

Ngày soạn:.../.../...

Ngày dạy:.../.../...

BÀI 1: VAI TRÒ VÀ TRIỂN VỌNG CỦA CHĂN NUÔI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Trình bày được vai trò và triển vọng của chăn nuôi trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.
- Nêu được một số thành tựu nổi bật của việc ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi.
- Trình bày được những yêu cầu cơ bản với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi.

2. Năng lực

Năng lực chung: Lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp để tìm hiểu thêm về vị trí, vai trò và triển vọng của chăn nuôi ở Việt Nam và trên thế giới.

Năng lực riêng:

- Trình bày được vai trò và triển vọng của chăn nuôi trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.
- Nêu được một số thành tựu nổi bật của việc ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi ở Việt Nam và trên thế giới.
- Trình bày được những yêu cầu cơ bản với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi.

3. Phẩm chất

- Có ý thức tìm hiểu vị trí, vai trò và triển vọng trong chăn nuôi.
- Nhận thức được sở thích và sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SHS, SGK Công nghệ chăn nuôi 11.
- Tranh, ảnh, video.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SHS Công nghệ chăn nuôi 11.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm có liên quan đến nội dung bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Thông qua các hình ảnh, video và các câu hỏi gợi ý giúp HS gợi nhớ lại những kiến thức đã có về vai trò của chăn nuôi đối với con người, trồng trọt, xuất khẩu, chế biến,...
- Các hình ảnh, video, câu hỏi về thành tựu của ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi, triển vọng của chăn nuôi sẽ kích thích HS mong muốn tìm hiểu về các nội dung mới, lí thú trong bài học.

b. Nội dung: GV sử dụng hình ảnh phần dẫn nhập SHS tr.7 và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về vai trò của chăn nuôi trong đời sống con người và nền kinh tế; những công nghệ đang được ứng dụng; triển vọng của chăn nuôi trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV trình chiếu và hướng dẫn HS quan sát hình ảnh phần dẫn nhập:



- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, trả lời câu hỏi:
- + *Nêu những hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân về vai trò của chăn nuôi.*
- + *Có những công nghệ cao nào đang được ứng dụng trong chăn nuôi.*
- + *Chăn nuôi trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 có triển vọng như thế nào?*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát hình ảnh, vận dụng kiến thức đã được học trong chương trình Công nghệ 7 để trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi:
- + *Vai trò của chăn nuôi đối với đời sống con người và nền kinh tế:*
 - *Cung cấp nguồn thực phẩm giàu protein.*
 - *Cung cấp nguyên liệu cho chế biến và xuất khẩu.*
 - *Cung cấp sức kéo, phân bón cho trồng trọt.*
- + *Công nghệ cao đang được ứng dụng trong chăn nuôi:*
 - *Công nghệ cấy truyền phôi.*
 - *Công nghệ thụ tinh nhân tạo.*
 - *Công nghệ gene.*
 - *Công nghệ cảm biến.*
 - *Công nghệ internet kết nối vạn vật.*

- Công nghệ thông tin và truyền thông.

- Công nghệ vi sinh.

+ Triển vọng của chăn nuôi trong bối cảnh cuộc cách mạng 4.0:

- Phát triển để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của con người.

- Phát triển để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

- Phát triển nhờ ứng dụng khoa học công nghệ.

- Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: **Bài 1 – Vai trò và triển vọng của chăn nuôi.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu về vai trò của chăn nuôi

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nhận biết được vai trò của chăn nuôi đối với đời sống con người và đối với một số lĩnh vực liên quan trong nền kinh tế.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS nghiên cứu mục I kết hợp quan sát Hình 1.1 trong SHS và trả lời câu hỏi.

- GV rút ra kết luận về vai trò của chăn nuôi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về vai trò của chăn nuôi và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc thông tin mục I kết hợp quan sát Hình 1.1 SHS tr.7 và trả lời câu hỏi:	1. Tìm hiểu về vai trò của chăn nuôi Các vai trò của chăn nuôi đối với gia đình và địa phương em: + Cung cấp nguồn thực phẩm



a)



b)



c)



d)

Hình 1.1. Vai trò của chăn nuôi

Phân tích vai trò của chăn nuôi đối với đời sống con người, trồng trọt, công nghệ, xuất khẩu,....

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận, trả lời câu hỏi: *Nêu các vai trò của chăn nuôi đối với gia đình và địa phương em.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc thông tin mục I quan sát Hình 1.1 SHS và trả lời câu hỏi.

- HS rút ra kết luận về vai trò của chăn nuôi đối với gia đình và địa phương theo hướng dẫn của GV.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi:

- Vai trò của chăn nuôi:

+ **Hình a:** *cung cấp nguyên liệu cho xuất khẩu.*

+ **Hình b:** *cung cấp thực phẩm cho con người.*

giàu protein.

+ Cung cấp nguyên liệu cho chế biến và xuất khẩu.

+ Cung cấp sức kéo, phân bón cho trồng trọt.

+ Hình c: cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp. + Hình d: cung cấp phân bón cho trồng trọt. - GV rút ra kết luận về vai trò của chăn nuôi đối với gia đình và địa phương. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. - GV chuyển sang hoạt động mới.	
--	--

Hoạt động 2. Tìm hiểu về một số thành tựu nổi bật của việc ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nhận biết được một số thành tựu nổi bật của việc ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi và ý nghĩa của các thành tựu đó với chăn nuôi.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS nghiên cứu mục II kết hợp quan sát các hình ảnh trong SHS tr.8-10 và trả lời câu hỏi.

- GV rút ra kết luận về một số thành tựu nổi bật của việc ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về một số thành tựu của ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<i>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về thành tựu trong công tác giống vật nuôi</i> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập	2. Tìm hiểu về một số thành tựu nổi bật của việc ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin mục II.1 kết hợp quan sát Hình 1.2 SHS tr.8 và trả lời câu hỏi:



Hình 1.2. Bò mẹ cho phôi và các bê con được tạo ra nhờ công nghệ cấy truyền phôi

Kể tên các thành tựu của ứng dụng công nghệ cấy truyền phôi, công nghệ thụ tinh nhân tạo và công nghệ gene trong chọn tạo giống và nhân giống vật nuôi.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc thông tin mục II.1 kết hợp quan sát Hình 1.2 để trả lời câu hỏi.
- HS rút ra kết luận về thành tựu trong công tác giống vật nuôi theo hướng dẫn của GV.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời.
- GV rút ra kết luận về thành tựu trong công

a. Thành tựu trong công tác giống vật nuôi

- Cấy phôi từ bò mẹ cao sản sang bò cái khác.
- Thụ tinh nhân tạo bằng tinh trùng bảo quản trong môi trường nhân tạo.
- Phát hiện sớm giới tính của phôi.
- Rút ngắn thời gian chọn tạo giống, chọn lọc chính xác, nâng cao chất lượng giống.

tác giống vật nuôi.

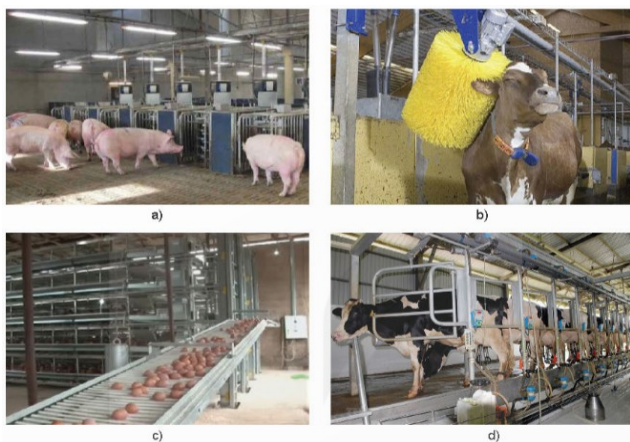
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.
- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về thành tựu trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi

- GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc thông tin mục II.2 kết hợp quan sát Hình 1.3 SHS tr.8, 9 và trả lời câu hỏi:



Hình 1.3. Một số ứng dụng công nghệ cao trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi

Nêu tên các công nghệ áp dụng trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi tương ứng với từng ảnh trong hình.

- GV yêu cầu HS liên hệ, vận dụng thực tế và trả lời câu hỏi: *Nêu một số thành tựu ứng dụng công nghệ cao trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi đang được áp dụng ở địa phương*

b. Thành tựu trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi

- *Công nghệ trong chăn nuôi:*

- + Cho ăn thông minh.
- + Tắm chải tự động.
- + Thu gom trứng gà tự động.
- + Vắt sữa bò tự động.

- *Thành tựu trong chăn nuôi:*

- + Chăn nuôi khép kín từ sản xuất con giống đến chế biến, tiêu thụ.
- + Tự động hóa chuồng trại.
- + Đeo vòng cổ theo dõi vô tuyến cho bò.
- + ...

em.

- GV trình chiếu cho HS quan sát thêm về một số công nghệ cao trong nuôi bò sữa:



Chiếc máy massage cho bò trước khi vào vắt sữa giúp chúng thư giãn



Hệ thống robot có thể tự làm sạch nơi vắt sữa và thay con người làm nhiều việc



Hệ thống vắt sữa tự động có thể thu thập tất cả các loại dữ liệu về sức khỏe, mức độ sản xuất và tần suất vắt sữa của mỗi con bò

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc thông tin mục II.2 kết hợp quan sát Hình 1.3 để trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 cặp HS trả lời.
- GV rút ra kết luận về thành tựu trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi.
- GV yêu cầu các cặp HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.
- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu về thành tựu trong

c. Thành tựu trong xử lí chất thải

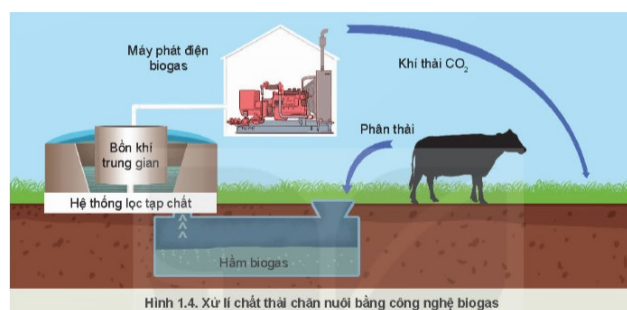
nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc thông tin mục II.3 kết hợp quan sát Hình 1.4 SHS tr.10 và trả lời câu hỏi:

+ *Nêu ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ biogas trong xử lý chất thải chăn nuôi.*

+ *Nêu một số ứng dụng công nghệ cao trong xử lý chất thải chăn nuôi đang được áp dụng ở địa phương em. Nêu ý nghĩa của chúng đối với chăn nuôi.*



Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc thông tin mục II.3 kết hợp quan sát Hình 1.4 để trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 cặp HS trả lời.

- GV yêu cầu các cặp HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi

- *Công nghệ cao trong xử lý chất thải chăn nuôi:*

+ Công nghệ biogas.

+ Đệm lót sinh học.

+ Chế phẩm vi sinh xử lý chuồng trại.

- *Ý nghĩa:*

+ Xử lý chất thải chăn nuôi đạt hiệu quả.

+ Giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

+ Mang lại hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. - GV chuyển sang hoạt động mới.	
--	--

Hoạt động 3. Tìm hiểu về triển vọng của chăn nuôi trong bối cảnh cuộc cách mạng 4.0

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS có hiểu biết và trình bày được triển vọng của chăn nuôi trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS nghiên cứu mục III trong SHS và trả lời câu hỏi.
- GV rút ra kết luận về triển vọng của chăn nuôi trong bối cảnh cuộc cách mạng 4.0.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về triển vọng của chăn nuôi trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Phát triển để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của con người Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, đọc thông tin mục III.1 SHS tr.10, 11 và trả lời câu hỏi: <i>Em hãy cho biết nhu cầu tiêu dùng sản phẩm chăn nuôi của con người hiện nay?</i> Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin mục III.1, thảo luận để trả lời câu hỏi.	3. Tìm hiểu về triển vọng của chăn nuôi trong bối cảnh cuộc cách mạng 4.0 a. Phát triển để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của con người - Mức tiêu thụ trứng, thịt, sữa bình quân đầu người nước ta còn thấp so với khu vực và thế giới. - Ngành chăn nuôi có triển vọng phát triển để đáp ứng cho sự gia tăng dân số và nhu cầu ngày càng

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. - GV chuyển sang nhiệm vụ mới.	tăng trong thời gian tới.
Nhiệm vụ 2: Phát triển để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, đọc thông tin mục III.2 SHS tr.11 và trả lời câu hỏi: <i>Sử dụng internet, sách, báo,... để tìm hiểu về triển vọng xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam.</i> Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin mục III.2, thảo luận để trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS trả lời. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét,	b. Phát triển để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu - Do quá trình đô thị hóa nhanh trên phạm vi toàn cầu, diện tích đất đai giảm mạnh, dân số tăng lên, thu nhập bình quân đầu người ngày càng cao,... dẫn đến nhu cầu về thực phẩm động vật như thịt, sữa, trứng,... sẽ tăng hơn 70% trong khoảng 3-5 thập kỉ tới. -> Áp dụng công nghệ cao trong chăn nuôi, nông nghiệp hữu cơ, chăn nuôi thông minh,... không chỉ đáp ứng cho nhu cầu trong nước mà còn có thể mở rộng xuất khẩu.

nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. - GV chuyển sang nhiệm vụ mới.	
Nhiệm vụ 3: Phát triển nhờ ứng dụng khoa học công nghệ Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, đọc thông tin mục III.3 SHS tr.11 và trả lời câu hỏi: <i>Em hãy nêu vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển của chăn nuôi. Liên hệ thực tiễn chăn nuôi ở địa phương em.</i> Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin mục III.3, thảo luận để trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS trả lời. <i>Vai trò của khoa học công nghệ trong chăn nuôi:</i> + Tối đa hiệu quả quá trình chăn nuôi => tăng năng suất, giảm sức lao động của con người + Tạo ra những giống vật nuôi sạch bệnh, sản phẩm chăn nuôi chất lượng cao, đáp ứng nhu	c. Phát triển nhờ ứng dụng khoa học công nghệ - Có hơn một nửa dân số đã kết nối và sử dụng internet, tốc độ phát triển công nghệ diễn ra rất nhanh chóng, hàng triệu nông dân dễ dàng tiếp cận với internet tốc độ cao. - Công nghệ máy tính, điện toán đám mây và trí tuệ nhân tạo,... ngày càng được ứng dụng nhiều trong sản xuất. - Ngành chăn nuôi được công nghiệp hóa ở hầu hết các khâu, từ sản xuất, chế biến, bảo quản đến kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm.

<i>cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.</i> + <i>Tự động hóa quá trình chăn nuôi theo hướng tiên tiến, hiện đại, chuẩn quốc tế.</i> + <i>Giảm ô nhiễm môi trường, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho các hộ chăn nuôi.</i> <i>Ví dụ: Chăn nuôi bò sữa ở địa phương em:</i> + <i>Sử dụng robot tự động đẩy thức ăn giúp nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn của bò sữa.</i> + <i>Sử dụng máy vắt sữa giúp thu thập các dữ liệu về sức khỏe, mức độ sản xuất và tần xuất vắt sữa của bò; thu thập dữ liệu về chất lượng sữa,...</i> - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. - GV chuyển sang nhiệm vụ mới.	
<i>Nhiệm vụ 4: Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ</i> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, đọc thông tin mục III.4 SHS tr.11 và trả lời câu hỏi: <i>Nhà nước có những chính sách gì trong việc hỗ trợ ngành chăn nuôi nước ta?</i> Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập	<i>d. Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ</i> - Phát triển công nghệ sản xuất giống vật nuôi, chế biến thức ăn chăn nuôi và công nghệ chuồng trại, xử lý chất thải chăn nuôi. - Phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến,... theo chuỗi, từ trang trại đến bàn ăn.

- HS đọc thông tin mục III.4, thảo luận để trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. - GV chuyển sang hoạt động mới.	- Tích cực đào tạo để cung cấp đủ lao động chất lượng cao. - Ban hành các chính sách phù hợp nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi về đất đai, thuế, vốn vay,...
---	--

Hoạt động 4. Tìm hiểu về yêu cầu cơ bản đối với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nhận biết được các yêu cầu cơ bản đối với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi, bước đầu tự nhận thức được sở thích và sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong lĩnh vực chăn nuôi.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS nghiên cứu mục IV trong SHS và trả lời câu hỏi.
- GV rút ra kết luận về yêu cầu cơ bản đối với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về các yêu cầu cơ bản đối với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông	4. Tìm hiểu về yêu cầu cơ bản đối với người lao động của một số

tin mục IV SHS tr.12 và trả lời câu hỏi: <i>Hãy nêu những yêu cầu cơ bản của người lao động trong một số ngành nghề thuộc lĩnh vực chăn nuôi.</i> - GV yêu cầu HS liên hệ, vận dụng thực tế và trả lời câu hỏi: <i>Liên hệ với bản thân và cho biết em có phù hợp với các ngành nghề trong chăn nuôi không? Vì sao?</i> Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin mục IV để trả lời câu hỏi. - HS vận dụng hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi. - HS rút ra kết luận về yêu cầu cơ bản đối với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi theo hướng dẫn của GV. - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời. - GV mời HS liên hệ với bản thân, trả lời câu hỏi: + <i>Em cảm thấy mình phù hợp với ngành chăn nuôi.</i> + <i>Giải thích:</i> ● <i>Có sức khỏe tốt, chăm chỉ, chịu khó và</i>	ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi <i>Những yêu cầu cơ bản:</i> + Có sức khỏe tốt, chăm chỉ, chịu khó và trách nhiệm cao trong công việc. + Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về chăn nuôi; khả năng sử dụng, vận hành các thiết bị, máy móc trong chăn nuôi. + Tuân thủ an toàn lao động, có ý thức bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.
---	---

<i>trách nhiệm trong công việc.</i> ● <i>Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về chăn nuôi.</i> ● <i>Tuân thủ an toàn lao động, có ý thức bảo vệ môi trường.</i> - GV rút ra kết luận về yêu cầu cơ bản đối với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. - GV chuyển sang nội dung mới.	
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS vận dụng những kiến thức đã học và thực tiễn để trả lời câu hỏi.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS trả lời nhanh câu hỏi trắc nghiệm trong Phiếu bài tập.

c. Sản phẩm: HS chọn được các đáp án đúng và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV phát Phiếu bài tập cho HS, yêu cầu HS trả lời trong vòng 5 phút.

Trường THPT:..... Lớp:..... PHIẾU BÀI TẬP

BÀI 1: VAI TRÒ VÀ TRIỂN VỌNG CỦA CHĂN NUÔI

Thời gian: 5 phút

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Khái niệm chăn nuôi

- A. Chăn nuôi là một ngành sản xuất nông nghiệp có vai trò quan trọng đối với đời sống con người và nền kinh tế.
- B. Chăn nuôi là một ngành sản xuất công nghiệp có vai trò quan trọng đối với đời sống con người và nền kinh tế.
- C. Chăn nuôi là một ngành sản xuất nông nghiệp có vai trò quan trọng đối với đời sống con người.
- D. Chăn nuôi là một ngành sản xuất nông nghiệp có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế thế giới.

Câu 2: Ý nào sau đây **không** đúng khi nói về vai trò của chăn nuôi

- A. Cung cấp thực phẩm giàu protein.
- B. Cung cấp nguyên liệu cho chế biến và xuất khẩu.
- C. Cung cấp sức kéo, phân bón cho trồng trọt.
- D. Cung cấp kinh tế cho đời sống nhân dân.

Câu 3: Vai trò của chăn nuôi đối với chế biến là

- A. cung cấp thực phẩm giàu protein.
- B. cung cấp nguyên liệu.
- C. cung cấp sức kéo, phân bón.
- D. cung cấp xuất khẩu.

Câu 4: Tại sao chăn nuôi ngày càng phát triển?

- A. Nhu cầu tiêu dùng nước ngoài đối với các sản phẩm chăn nuôi (thịt, trứng, sữa,...) ngày càng tăng.
- B. Nhu cầu xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi ngày càng giảm.

C. Có sự hỗ trợ ngày càng đặc lực của khoa học công nghệ.

D. Có sự quan tâm, ưu tiên, hỗ trợ của các nước láng giềng.

Câu 5: Đâu **không** phải là yêu cầu cơ bản đối với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi?

A. yêu thích các môn học Lịch sử, Văn học, Sinh học.

B. có sức khỏe tốt, chăm chỉ, chịu khó và có trách nhiệm cao trong công việc.

C. có niềm đam mê và yêu thích vật nuôi, yêu thích công việc chăm sóc vật nuôi.

D. tuân thủ an toàn lao động, có ý thức bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.

Câu 6: Ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ biogas trong xử lý chất thải chăn nuôi là

A. xử lý chất thải chăn nuôi chưa đạt hiệu quả.

B. mang lại hiệu quả kinh tế kém cho người chăn nuôi.

C. giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

D. chi phí đầu tư thấp.

Câu 7: Ý nào sau đây đúng về triển vọng xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi ở Việt Nam?

A. tiềm năng phát triển chăn nuôi ở mức kém.

B. áp dụng công nghệ cao trong chăn nuôi làm giảm đáp ứng nhu cầu trong nước.

C. áp dụng công nghệ cao trong chăn nuôi làm giảm đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

D. áp dụng công nghệ cao trong chăn nuôi không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn mở rộng xuất khẩu.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học, hiểu biết thực tế về vai trò và triển vọng của chăn nuôi để hoàn thành nhanh Phiếu bài tập.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV thu Phiếu bài tập và mời đại diện 1 – 2 HS đọc đáp án:

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	A	D	B	C	A	C	D

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu đáp án khác (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.

- GV chuyển sang nội dung mới.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức vào thực tiễn để phân tích thực trạng chăn nuôi ở địa phương và đề xuất giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả chăn nuôi ở gia đình, địa phương.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS về nhà quan sát hoạt động chăn nuôi ở gia đình và địa phương, phân tích và đề xuất giải pháp ứng dụng công nghệ cao trong hoạt động cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả của chăn nuôi ở gia đình, địa phương.

c. Sản phẩm: HS đề xuất ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi ở gia đình, địa phương.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà: *Phân tích và đề xuất giải pháp ứng dụng công nghệ cao trong hoạt động cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả của chăn nuôi ở gia đình, địa phương.*

- GV hướng dẫn HS:

+ *Phân tích thực trạng chăn nuôi ở địa phương.*

+ *Đề xuất giải pháp.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức vào thực tiễn để đề xuất ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi ở gia đình, địa phương.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

HS nộp sản phẩm vào bài học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV nhận xét, đánh giá và kết thúc bài học.

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Ôn lại kiến thức đã học:

+ *Vai trò của chăn nuôi.*

+ *Một số thành tựu nổi bật của việc ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi.*

+ *Triển vọng của chăn nuôi trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0.*

+ *Yêu cầu cơ bản đối với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi.*

- Trả lời câu hỏi bài tập phần Luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ phần Vận dụng SHS tr.12.

- Làm bài tập Bài 1 – Sách bài tập Công nghệ chăn nuôi 11.

- Đọc và tìm hiểu trước nội dung *Bài 2 – Vật nuôi và phương thức chăn nuôi.*

Ngày soạn:....../....../....

Ngày dạy:....../....../....

BÀI 2: VẬT NUÔI VÀ PHƯƠNG THỨC CHĂN NUÔI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Phân loại được vật nuôi theo nguồn gốc, đặc tính sinh vật học và mục đích sử dụng.
- Nêu được các phương thức chăn nuôi chủ yếu ở nước ta.
- Nêu được xu hướng phát triển của chăn nuôi ở Việt Nam và trên thế giới, đặc điểm cơ bản của chăn nuôi bền vững và chăn nuôi thông minh.

2. Năng lực

Năng lực chung: Lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp để tìm hiểu thêm về phân loại vật nuôi, các phương thức chăn nuôi và xu hướng phát triển của chăn nuôi.

Năng lực riêng:

- Phân loại được vật nuôi theo nguồn gốc, đặc tính sinh vật học và mục đích sử dụng.
- Nêu được các phương thức chăn nuôi chủ yếu ở nước ta.
- Nêu được xu hướng phát triển của chăn nuôi Việt Nam và trên thế giới, đặc điểm cơ bản của chăn nuôi bền vững và chăn nuôi thông minh.

3. Phẩm chất

Có ý thức tìm hiểu về các phương thức chăn nuôi và xu hướng phát triển của chăn nuôi để vận dụng vào thực tiễn chăn nuôi ở gia đình và địa phương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SHS, SGK Công nghệ chăn nuôi 11.

- Tranh, ảnh, video.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SHS Công nghệ chăn nuôi 11.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm có liên quan đến nội dung bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Thông qua hình ảnh và các câu hỏi gợi ý giúp HS gợi nhớ lại những kiến thức, kinh nghiệm đã có về phân loại vật nuôi và phương thức chăn nuôi.
- Những tình huống liên quan đến nội dung mới (chăn nuôi thông minh, chăn nuôi bền vững,...) sẽ kích thích HS mong muốn tìm hiểu bài học mới.

b. Nội dung: GV sử dụng hình ảnh phần dẫn nhập SHS tr.13 và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về phân loại vật nuôi; phương thức chăn nuôi phổ biến và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV trình chiếu và hướng dẫn HS quan sát hình ảnh phần dẫn nhập:



- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:
- + *Vật nuôi được phân loại như thế nào?*
- + *Có những phương thức chăn nuôi phổ biến nào ở nước ta?*
- + *Chúng có ưu và nhược điểm gì?*
- + *Hình ảnh trên minh họa cho phương thức chăn nuôi nào?*
- + *Thế nào là chăn nuôi bền vững, chăn nuôi thông minh?*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát hình ảnh, vận dụng kiến thức đã được học trong chương trình Công nghệ 7 để trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi:
- + *Vật nuôi phân loại theo: nguồn gốc, đặc tính sinh vật học, mục đích sử dụng.*
- + *Những phương thức chăn nuôi phổ biến ở nước ta:*

	<i>Ưu điểm</i>	<i>Nhược điểm</i>
<i>Chăn thả tự do</i>	<i>Chi phí đầu tư thấp</i>	<i>Năng suất thấp, không đảm bảo an toàn sinh học, thường xảy ra dịch bệnh</i>
<i>Chăn nuôi công nghiệp</i>	<i>Năng suất cao, khả năng kiểm soát dịch bệnh tốt, hiệu quả kinh tế cao</i>	<i>Đầu tư ban đầu lớn, quy mô lớn tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường</i>
<i>Chăn nuôi bán công nghiệp</i>	<i>Chất lượng chăn nuôi cao, vật nuôi được đối xử tốt</i>	<i>Nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, dịch bệnh cao</i>

- + *Hình trên minh họa cho phương thức chăn nuôi công nghiệp.*
- + *Chăn nuôi bền vững là nền chăn nuôi bền vững về kinh tế, môi trường và xã hội.*
- + *Chăn nuôi thông minh là nền chăn nuôi ứng dụng các công nghệ, thiết bị, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lí, giám sát toàn bộ quá trình chăn nuôi.*

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: **Bài 2 – Vật nuôi và phương thức chăn nuôi.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu về phân loại vật nuôi

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS hiểu được có nhiều cách để phân loại vật nuôi, đồng thời có thể vận dụng được kiến thức về phân loại vật nuôi vào thực tiễn chăn nuôi.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS nghiên cứu mục I.1, 2, 3 trong SHS, yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- GV rút ra kết luận về cách phân loại vật nuôi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về cách phân loại vật nuôi và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Phân loại theo nguồn gốc Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn HS thảo luận theo nhóm đôi, quan sát hình ảnh, đọc thông tin mục I.1 SHS tr.13, 14 và trả lời câu hỏi:	1. Tìm hiểu về phân loại vật nuôi a. Phân loại theo nguồn gốc + <i>Vật nuôi bản địa</i>: những vật nuôi được hình thành và chăn nuôi ở một địa phương hoặc khu vực nhất định trên lãnh thổ Việt Nam, có khả năng thích nghi tốt với điều kiện khí hậu và tập quán chăn nuôi của địa phương. + <i>Vật nuôi ngoại nhập</i>: giống vật nuôi có nguồn gốc từ nước ngoài du nhập vào Việt Nam qua các con đường khác nhau, ở các thời điểm



a) Gà Hồ, Bắc Ninh

b) Vịt cỏ



c) Lợn Ba Xuyên, Sóc Trăng



d) Cừu Phan Rang, Ninh Thuận

Hình 2.1. Một số giống vật nuôi bản địa



a) Bò Red Sindhi



b) Dê Boer



c) Gà Polymouth

Hình 2.2. Một số giống vật nuôi ngoại nhập

khác nhau.

Có mấy nhóm vật nuôi phân loại theo nguồn gốc.

- GV yêu cầu HS liên hệ, vận dụng thực tiễn ở gia đình, địa phương và trả lời câu hỏi:

Kể tên các giống vật nuôi bản địa, vật nuôi ngoại nhập mà em biết.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc thông tin mục I.1 để trả lời câu hỏi.

- HS rút ra kết luận về phân loại vật nuôi theo nguồn gốc theo hướng dẫn của GV.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi.

+ *Giống vật nuôi bản địa: Gà Hồ (Bắc*

Ninh), Lợn Ba Xuyên (Sóc Trăng), Vịt cỏ, Cừu Phan Rang (Ninh Thuận)... + Giống vật nuôi ngoại nhập là: Bò Red Sindhi, Dê Boer, Gà Polymouth... - GV mời HS nêu vật nuôi phân loại vật nuôi phân theo nguồn gốc. - GV yêu cầu các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. - GV chuyển sang nhiệm vụ mới.	
Nhiệm vụ 2: Phân loại theo đặc tính sinh vật học Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn HS thảo luận theo nhóm đôi, quan sát hình ảnh, đọc thông tin mục I.2 SHS tr.14 và trả lời câu hỏi: <i>Sắp xếp các vật nuôi của địa phương em thành các nhóm theo đặc tính sinh vật học. Hãy nêu những đặc điểm đặc trưng để phân biệt gia súc và gia cầm.</i> - GV hướng dẫn HS đưa ra kết luận về phân loại theo đặc tính sinh vật học. Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin mục I.2 để trả lời câu hỏi.	b. Phân loại theo đặc tính sinh vật học Vật nuôi có thể chia thành nhiều nhóm khác nhau theo các cách khác nhau như: - Vật nuôi trên cạn và vật nuôi dưới nước - Gia súc và gia cầm - Vật nuôi đẻ con và vật nuôi đẻ trứng - Gia súc dạ dày 4 túi và gia súc dạ dày đơn,...

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi.

+ *Các vật nuôi của địa phương thành các nhóm theo đặc tính sinh vật học:*

Vật nuôi trên cạn: chim...

Vật nuôi dưới nước: cá, tôm...

Gia cầm: gà, vịt, ngan, ngỗng...

Gia súc: bò, lừa, lợn...

Vật nuôi đẻ con: bò, trâu...

+ *Cách phân biệt cơ bản giữa gia cầm và gia súc:*

- *Gia súc là các loài động vật có vú, có 4 chân được con người thuần hóa và chăn nuôi.*
- *Gia cầm là các loài động vật có 2 chân, có lông vũ, thuộc nhóm động vật có cánh được con người thuần hóa và chăn nuôi.*

- GV mời HS nêu vật nuôi phân loại theo đặc tính sinh vật học.

- GV yêu cầu các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.	
Nhiệm vụ 3: Phân loại theo mục đích sử dụng Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn HS thảo luận theo nhóm đôi, quan sát hình ảnh, đọc thông tin mục I.3 SHS tr.14 và trả lời câu hỏi: <i>Hãy sắp xếp các loại vật nuôi ở địa phương em thành các nhóm theo mục đích sử dụng.</i> - GV hướng dẫn HS đưa ra kết luận về phân loại theo mục đích sử dụng. Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin mục I.3 để trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi. + <i>Vật nuôi lấy thịt: bò, trâu, bê, cừu...</i> + <i>Vật nuôi lấy trứng: gà, vịt, ngan, ngỗng...</i> + <i>Vật nuôi lấy sữa: bò, dê</i> + <i>Vật nuôi lấy sức kéo: bò, trâu</i> + <i>Vật nuôi làm cảnh: mèo, chim, chó...</i> - GV mời HS nêu vật nuôi phân loại theo mục đích sử dụng. - GV yêu cầu các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).	c. Phân loại theo mục đích sử dụng - Vật nuôi lấy thịt. - Vật nuôi lấy trứng. - Vật nuôi lấy lông. - Vật nuôi lấy sức kéo. - ...

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.
- GV trình chiếu cho HS quan sát thêm về phân loại vật nuôi:



Vật nuôi lấy trứng



Vật nuôi lấy sức kéo



Gà Hồ

- GV chuyển sang hoạt động mới.

Hoạt động 2. Tìm hiểu về một số phương thức chăn nuôi chủ yếu ở Việt Nam

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nhận biết được đặc điểm, ưu và nhược điểm của một số phương thức chăn nuôi chủ yếu ở Việt Nam.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS nghiên cứu mục II.1, 2, 3 kết hợp quan sát các hình ảnh trong SHS và trả lời câu hỏi.

- GV rút ra kết luận về đặc điểm, ưu và nhược điểm của ba phương thức chăn nuôi chủ yếu ở Việt Nam.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về đặc điểm, ưu và nhược điểm của ba phương thức chăn nuôi chủ yếu ở Việt Nam và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về chăn thả tự do Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin mục II.1 kết hợp quan sát Hình 2.4 SHS tr.15 và trả lời câu hỏi:	2. Tìm hiểu về một số phương thức chăn nuôi chủ yếu ở Việt Nam a. Tìm hiểu về chăn thả tự do - <i>Khái niệm:</i> là phương thức chăn nuôi mà vật nuôi được thả tự do đi lại, kiếm ăn, tận dụng phụ phẩm



Hình 2.4. Nuôi vịt theo phương thức chăn thả tự do

Trình bày đặc điểm và ưu nhược điểm của phương thức chăn thả tự do.

- GV trình chiếu cho HS quan sát thêm về vật nuôi chăn thả tự do:



Dê



Bò

nông nghiệp.

- *Ưu điểm:* chi phí đầu tư thấp.

- *Nhược điểm:* năng suất thấp, không đảm bảo an toàn sinh học, thường xảy ra dịch bệnh.



Vịt



Gà

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc thông tin II.1 kết hợp quan sát Hình 2.4 để trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời.
- GV rút ra kết luận về chăn thả tự do.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.
- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về chăn nuôi công

b. Tìm hiểu về chăn nuôi công

ngiệp

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin mục II.2 kết hợp quan sát Hình 2.5 SHS tr.15 và trả lời câu hỏi:

+ *Trình bày đặc điểm và ưu nhược điểm của phương thức chăn nuôi công nghiệp.*



a) Chăn nuôi gà đẻ trứng



b) Chăn nuôi lợn thịt

Hình 2.5. Phương thức chăn nuôi công nghiệp

- GV trình chiếu cho HS quan sát thêm về vật nuôi chăn nuôi công nghiệp:



Bò sữa



Bò

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

ngiệp

- *Khái niệm:* Là quá trình chăn nuôi tập trung với mật độ cao, số lượng vật nuôi lớn và theo một quy trình khép kín.

- *Ưu điểm:* năng suất cao, khả năng kiểm soát dịch bệnh tốt, hiệu quả kinh tế cao.

- *Nhược điểm:* đầu tư ban đầu lớn, quy mô chăn nuôi lớn tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

học tập

- HS đọc thông tin II.2 kết hợp quan sát Hình 2.5 để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm lần lượt trình bày câu trả lời.

- GV rút ra kết luận về chăn nuôi công nghiệp.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu về chăn nuôi bán công nghiệp

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin mục II.1 kết hợp quan sát Hình 2.6 SHS tr.16 và trả lời câu hỏi: *Trình bày đặc điểm và ưu nhược điểm của phương thức chăn nuôi bán công nghiệp.*



Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

c. Tìm hiểu về chăn nuôi bán công nghiệp

- *Khái niệm:* là chăn nuôi kết hợp giữa chăn nuôi công nghiệp (nuôi nhốt hoàn toàn) với chăn thả tự do.

- *Ưu điểm:* chất lượng sản phẩm chăn nuôi cao hơn vật nuôi được đối xử tốt hơn.

học tập - HS đọc thông tin II.3 kết hợp quan sát Hình 2.6 để trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện các nhóm lần lượt trình câu trả lời. - GV rút ra kết luận về chăn nuôi bán công nghiệp. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. - GV chuyển sang hoạt động mới.	
--	--

Hoạt động 3. Tìm hiểu về xu hướng phát triển của chăn nuôi ở Việt Nam và trên thế giới

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nhận biết được xu hướng phát triển của chăn nuôi, đồng thời nêu được đặc điểm cơ bản của chăn nuôi bền vững và chăn nuôi thông minh.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS nghiên cứu mục III trong SHS và trả lời câu hỏi.
- GV rút ra kết luận về xu hướng phát triển của chăn nuôi ở Việt Nam và trên thế giới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về xu hướng phát triển của chăn nuôi, các đặc điểm cơ bản của chăn nuôi bền vững và chăn nuôi thông minh và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
-----------------------	------------------

Nhiệm vụ 1: Phát triển chăn nuôi bền vững Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, liên hệ thực tiễn và trả lời câu hỏi: + <i>Em hãy cho biết chăn nuôi bền vững là gì?</i> + <i>Đặc điểm của chăn nuôi bền vững?</i> Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin SHS tr.16-17 để trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời. - GV kết luận về chăn nuôi bền vững ở Việt Nam. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. - GV chuyển sang nhiệm vụ mới.	3. Tìm hiểu về xu hướng phát triển của chăn nuôi ở Việt Nam và trên thế giới a. Phát triển chăn nuôi bền vững - <i>Khái niệm:</i> Là nền chăn nuôi bền vững về kinh tế, môi trường và xã hội. - <i>Đặc điểm:</i> + Vật nuôi được nuôi dưỡng và chăm sóc tốt, tự do thể hiện các tập tính tự nhiên. + Cung cấp cho người tiêu dùng nguồn thực phẩm. + Người chăn nuôi có lợi nhuận, môi trường được bảo vệ. + Luôn đảm bảo hài hòa về lợi ích của người chăn nuôi, người tiêu dùng, vật nuôi và bảo vệ môi trường.
Nhiệm vụ 2: Chăn nuôi thông minh Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc	b. Chăn nuôi thông minh - <i>Khái niệm:</i> Là nền chăn nuôi ứng dụng các công nghệ, thiết bị, giải

thông tin mục III SHS tr.17 và trả lời câu hỏi: + <i>Em hãy cho biết chăn nuôi thông minh là gì?</i> + <i>Nêu đặc điểm cơ bản của chăn nuôi thông minh.</i> Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin III để trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. - GV chuyển sang nội dung mới.	pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lí, giám sát toàn bộ quá trình chăn nuôi. - <i>Đặc điểm:</i> + Áp dụng đồng bộ công nghệ thông minh vào chăn nuôi. + Tính khả thi cao, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và khả năng của người chăn nuôi. + Liên kết chuỗi chăn nuôi khép kín “từ trang trại đến bàn ăn”. + Sản phẩm chăn nuôi an toàn, giá cả hợp lí, giúp cho ngành chăn nuôi phát triển bền vững.
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS vận dụng những kiến thức đã học và thực tiễn để trả lời câu hỏi.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS trả lời nhanh câu hỏi trắc nghiệm trong Phiếu bài tập.

c. Sản phẩm: HS chọn được các đáp án đúng và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV phát Phiếu bài tập cho HS, yêu cầu HS trả lời trong vòng 5 phút.

Trường THPT:.....

Lớp:.....

PHIẾU BÀI TẬP

BÀI 2: VẬT NUÔI VÀ PHƯƠNG THỨC CHĂN NUÔI

Thời gian: 5 phút

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Có mấy cách để phân loại vật nuôi?

- A. 3.
- B. 4.
- C. 5.
- D. 6.

Câu 2: Phương thức chăn nuôi mà vật nuôi được thả tự do đi lại, kiếm ăn, tận dụng phụ phẩm nông nghiệp thuộc phương thức chăn nuôi nào?

- A. chăn nuôi công nghiệp.
- B. chăn nuôi bán công nghiệp.
- C. chăn thả tự do.

Câu 3: Chăn nuôi theo phương thức nuôi nhốt

- A. Áp dụng khi nuôi trâu, bò, dê, ...
- B. Áp dụng khi nuôi gà, vịt, lợn.
- C. Là phương thức nuôi trong chuồng kết hợp vườn chăn thả.
- D. Là phương thức nuôi thả tự do.

Câu 4: Kể tên các giống vật nuôi bản địa.

- A. lợn Yorkshire, gà Hybro.
- B. gà Đông Tảo, gà Polymouth.
- C. gà Đông Tảo, gà Ri, vịt Bầu.

D. dê Boer, lợn Yorkshire, gà Hybro.

Câu 5: Ý nào sau đây **không** phải của phân loại vật nuôi theo mục đích sử dụng?

A. vật nuôi lấy sữa.

B. vật nuôi làm cảnh.

C. vật nuôi thí nghiệm phục vụ nghiên cứu khoa học.

D. vật nuôi đẻ con và vật nuôi đẻ trứng.

Câu 6: Đâu là nhược điểm của chăn nuôi công nghiệp?

A. thường xảy ra dịch bệnh.

B. tiềm ẩn những nguy cơ ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

C. không đảm bảo sinh học.

D. năng suất thấp.

Câu 7: Ưu điểm của phương thức chăn nuôi bán công nghiệp so với phương thức chăn thả tự do và chăn nuôi công nghiệp là

A. Chất lượng sản phẩm chăn nuôi cao hơn.

B. Vật nuôi bị đối xử thô bạo.

C. Chất lượng sản phẩm chăn nuôi kém hơn.

D. Giá trị kinh tế không cao.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học, hiểu biết thực tế về vật nuôi và phương thức chăn nuôi để hoàn thành nhanh Phiếu bài tập.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV thu Phiếu bài tập và mời đại diện 1 – 2 HS đọc đáp án:

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	A	C	B	C	D	B	A

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu đáp án khác (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.
- GV chuyển sang nội dung mới.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức vào thực tiễn để đề xuất phương thức chăn nuôi phù hợp cho một đối tượng vật nuôi nhằm nâng cao hiệu quả của chăn nuôi ở gia đình, địa phương.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS về nhà quan sát, phân tích thực trạng chăn nuôi ở gia đình, địa phương, đề xuất phương thức chăn nuôi phù hợp cho một đối tượng vật nuôi cụ thể.

c. Sản phẩm: Bảng phân tích thực trạng chăn nuôi ở gia đình, địa phương và phương án đề xuất phương thức chăn nuôi cho một đối tượng vật nuôi.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà: *Phân tích thực tiễn chăn nuôi ở địa phương và đề xuất phương thức chăn nuôi phù hợp cho một đối tượng vật nuôi cụ thể.*

- GV hướng dẫn HS:

- + *Phân tích thực tiễn chăn nuôi ở địa phương.*
- + *Chọn một đối tượng vật nuôi.*
- + *Đề xuất phương thức chăn nuôi phù hợp.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức vào thực tiễn để đề xuất phương thức chăn nuôi phù hợp với một đối tượng cụ thể.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

HS nộp sản phẩm vào bài học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV nhận xét, đánh giá và kết thúc bài học.

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Ôn lại kiến thức đã học:

+ *Phân loại vật nuôi.*

+ *Một số phương thức chăn nuôi chủ yếu ở Việt Nam.*

+ *Xu hướng phát triển của chăn nuôi ở Việt Nam và trên thế giới.*

- Trả lời câu hỏi bài tập phần Luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ phần Vận dụng SHS tr.17.

- Làm bài tập Bài 2 – Sách bài tập Công nghệ chăn nuôi 11.

- Đọc và tìm hiểu trước nội dung *Bài 3 – Khái niệm, vai trò của giống trong chăn nuôi.*

Ngày soạn:.../.../...

Ngày dạy:.../.../...

ÔN TẬP CHƯƠNG I

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Hệ thống được các kiến thức chương I – Giới thiệu chung về chăn nuôi.
- Trả lời được các câu hỏi liên quan đến kiến thức đã học và kiến thức liên hệ thực tiễn, liên hệ bản thân.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và trao đổi nhiệm vụ học tập với giáo viên.
- Lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp để tìm hiểu, nâng cao kiến thức về chăn nuôi.

Năng lực công nghệ :

- *Nhận thức công nghệ:* nắm được các kiến thức chung về chăn nuôi.
- *Sử dụng công nghệ:* vận dụng các kiến thức đã học và kiến thức liên hệ thực tiễn, liên hệ bản thân để trả lời câu hỏi.

3. Phẩm chất

- Tích cực vận dụng kiến thức vào thực tiễn.
- Có ý thức tìm hiểu và thể hiện được sự yêu thích đối với các hoạt động liên quan đến chăn nuôi.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SHS, Giáo án.
- Tranh ảnh, sơ đồ liên quan đến nội dung kiến thức chương I.

2. Đối với học sinh

- SHS, SBT.
- Đọc trước bài học trong SHS.
- Tìm kiếm và đọc trước tài liệu liên quan đến trồng trọt.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Gợi mở, kích thích HS mong muốn tìm hiểu về các nội dung mới, lí thú của bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS về tên và các hình minh họa .

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS quan sát các hình ảnh sau và trả lời câu hỏi:

1. 	2. 
3.	4.



Các hình ảnh trên thuộc phương thức chăn nuôi nào ở Việt Nam?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo nhóm.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày câu trả lời:

Hình 1. Phương thức chăn thả tự do.

Hình 2. Chăn thả công nghiệp

Hình 3. Chăn thả bán công nghiệp.

Hình 4. Chăn thả công nghiệp.

- GV mời nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét.
- GV dẫn dắt vào bài học: *Việc tìm hiểu các kiến thức và hoạt động thực hành trong chương I, các em đã có những hiểu biết nhất định về chăn nuôi, vai trò và các phương thức chăn nuôi thực tế ở gia đình, địa phương. Ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau đi hệ thống lại kiến thức trong chương I một lần nữa. Chúng ta cùng vào bài **Ôn tập chương I**.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động: Hệ thống hóa kiến thức

a. Mục tiêu: HS hệ thống hóa kiến thức về chăn nuôi.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS thảo luận theo nhóm, nêu tóm tắt, ngắn gọn các kiến thức đã học trong chương I.

c. Sản phẩm học tập: HS vẽ được vào vở sơ đồ tư duy kiến thức cơ bản đã học của chương I.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ: <i>Nêu tóm tắt, ngắn gọn những kiến thức chủ yếu đã được học trong chương I.</i>  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận theo nhóm. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện một số nhóm trình bày, sơ đồ tư duy tổng hợp kiến thức chương I.	1. Hệ thống hóa kiến thức HS vẽ sơ đồ tư duy tổng hợp kiến thức chương I vào giấy A3.

- GV mời nhóm khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. - GV chuyển sang nội dung mới.	
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học trong chương I để trả lời câu hỏi.

b. Nội dung: GV đưa ra nhiệm vụ; HS sử dụng kiến thức đã học, kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS về các kiến thức liên quan đến chương I.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận, vận dụng kiến thức đã học ở chương I để thực hiện nhiệm vụ:

+ **Nhóm 1:** Trình bày vai trò và triển vọng của chăn nuôi trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Liên hệ với thực tiễn chăn nuôi ở địa phương em.

+ **Nhóm 2:** Nêu một số thành tựu nổi bật của việc ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi (thành tựu trong công tác giống, trong nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi, ...).

+ **Nhóm 3:** Trình bày xu hướng phát triển của chăn nuôi ở Việt Nam và trên thế giới. Nêu đặc điểm cơ bản của chăn nuôi bền vững, chăn nuôi thông minh.

+ **Nhóm 4:** Trình bày những yêu cầu cơ bản với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi. Liên hệ bản thân

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời.

- GV hỗ trợ, hướng dẫn HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời HS trình bày kết quả câu trả lời:

Nhóm 1:

*** Vai trò của chăn nuôi:**

- + Cung cấp nguồn thực phẩm giàu protein.
- + Cung cấp nguyên liệu cho chế biến và xuất khẩu
- + Cung cấp sức kéo, phân bón cho trồng trọt

*** Triển vọng của chăn nuôi:**

- + Phát triển để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của con người.
- + Phát triển để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu
- + Phát triển nhờ ứng dụng khoa học công nghệ
- + Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ

*** Liên hệ thực tiễn tại địa phương em**

- + Cung cấp nguồn thực phẩm giàu protein.
- + Cung cấp sức kéo, phân bón cho trồng trọt
- + Phát triển để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của con người.
- + Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ

Nhóm 2:

*** Thành tựu của ứng dụng công nghệ cao trong chọn tạo và nhân giống vật nuôi:**

- + Cấy phôi từ bò mẹ cao sản sang bò cái khác.
- + Thụ tinh nhân tạo bằng tinh trùng bảo quản tổng môi trường nhân tạo.
- + Phát hiện sớm giới tính của phôi.
- + Rút ngắn thời gian chọn tạo giống, chọn lọc chính xác, nâng cao chất lượng giống.

*** Thành tựu trong nuôi dưỡng và chăm sóc:**

- + Công nghệ vắt sữa bò tự động
- + Công nghệ tắm chải tự động

Nhóm 3:

*** Xu hướng phát triển chăn nuôi ở Việt Nam và trên thế giới đều theo hướng phát triển chăn nuôi thông minh.**

** Đặc điểm cơ bản của chăn nuôi bền vững là:*

- + Vật nuôi được nuôi dưỡng và chăm sóc tốt, không bị ngược đãi, được tự do thể hiện các tập tính tự nhiên.*
- + Cung cấp cho người tiêu dùng nguồn thực phẩm (thịt, trứng, sữa) chất lượng cao, an toàn, giá cả hợp lí.*
- + Người chăn nuôi có lợi nhuận, môi trường được bảo vệ.*
- + Luôn đảm bảo hài hòa về lợi ích của người chăn nuôi, người tiêu dùng, vật nuôi và bảo vệ môi trường.*

** Đặc điểm cơ bản của chăn nuôi thông minh là:*

- + Áp dụng đồng bộ các công nghệ thông minh vào chăn nuôi.*
- + Có tính khả thi cao, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và khả năng của người chăn nuôi.*
- + Liên kết chuỗi chăn nuôi khép kín “từ trang trại đến bàn ăn”.*
- + Sản phẩm chăn nuôi an toàn, giá cả hợp lí, giúp cho ngành chăn nuôi phát triển bền vững.*

Nhóm 4:

** Yêu cầu cơ bản với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi:*

- + Có sức khỏe tốt, chăm chỉ, chịu khó và trách nhiệm trong công việc.*
- + Có kiến thức, kĩ năng cơ bản về chăn nuôi.*
- + Tuân thủ an toàn lao động, có ý thức bảo vệ môi trường.*

** Liên hệ bản thân: em cảm thấy mình có đủ điều kiện để lao động trong một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi. Vì em đáp ứng được các yêu cầu cơ bản đối với người lao động trong chăn nuôi.*

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.
- GV chuyển sang hoạt động mới.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức thực tế, thể hiện, chia sẻ được những hiểu biết liên quan đến nội dung chương học.

b. Nội dung: GV đưa ra nhiệm vụ; HS sử dụng kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS về các câu ca dao, tục ngữ về chăn nuôi.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ cho HS: GV tổ chức cho HS chơi trò chơi *Truyền điện – Kể tên các câu ca dao, tục ngữ về chăn nuôi.*

+ *Quản trò chỉ định một người bất kì chơi đầu tiên.*

+ *Người chơi đầu tiên nếu ra một câu ca dao, tục ngữ về chăn nuôi và chỉ người chơi khác để “truyền điện” và yêu cầu trả lời.*

+ *Nếu người chơi đó trả lời đúng, HS đó lại có quyền mời bạn khác trả lời.*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ.

- GV hỗ trợ, hướng dẫn HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

Một số câu ca dao, tục ngữ về chăn nuôi:

1. Giàu lợn nái, lãi gà con

2. Chăn nuôi vừa khéo vừa khôn

Quanh năm gà lợn xuất chuồng quanh năm.

3. Bán cá mòi ngon canh,

Nuôi lợn thì lành áo

4. Chuồng gà hướng đông, cái lông chẳng còn.

5. Thừa ao tốt cá.

6. Gà nâu chân thấp mình to

Đẻ nhiều trứng lớn, con vừa khéo nuôi

Chẳng nên nuôi giống pha mùi

Đẻ không được mấy, con nuôi vụng về

7. Bán gà kiêng ngày gió bán chó kiêng ngày mưa.

8. Vịt rần, gà cúp chó nuôi.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức, kết thúc bài học.

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- HS hệ thống hóa, ôn tập lại các kiến thức đã học trong chương I.

- Hoàn thành bài tập 2, 4 SHS tr.18.

- Đọc và tìm hiểu trước *Bài 3 – Khái niệm, vai trò của giống trong chăn nuôi.*

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

<https://www.vnteach.com>

Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com

<https://www.facebook.com/groups/vnteach/>

<https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/>

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI 3: KHÁI NIỆM, VAI TRÒ CỦA GIỐNG TRONG CHĂN NUÔI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Trình bày được khái niệm giống vật nuôi.
- Trình bày được vai trò của giống trong chăn nuôi.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- Lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp để tìm hiểu thêm về các giống vật nuôi ở địa phương. Thu thập số liệu, phân tích về tình hình phát triển ngành chăn nuôi tại địa phương.

Năng lực riêng:

- Trình bày được khái niệm giống vật nuôi và điều kiện công nhận giống vật nuôi.
- Trình bày được vai trò của giống trong chăn nuôi.

3. Phẩm chất

Có ý thức tìm hiểu về đặc điểm, vai trò của giống vật nuôi để ứng dụng trong sản xuất tại gia đình và địa phương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SHS, SGV Công nghệ chăn nuôi 11.
- Tranh, ảnh, video.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SHS Công nghệ chăn nuôi 11.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm có liên quan đến nội dung bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Thông qua hình ảnh và các câu hỏi gợi ý giúp HS gợi nhớ lại những kiến thức đã có về giống vật nuôi.

b. Nội dung: GV sử dụng hình ảnh phần dẫn nhập SHS tr.20 và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về giống vật nuôi và điều kiện để công nhận giống vật nuôi và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV trình chiếu và hướng dẫn HS quan sát hình ảnh phần dẫn nhập:



- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Thế nào là giống vật nuôi? Điều kiện để công nhận giống vật nuôi là gì? Giống có vai trò gì trong chăn nuôi?*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát hình ảnh, vận dụng kiến thức đã được học trong chương trình Công nghệ 7 để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi:

+ *Khái niệm: Là quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người.*

+ *Điều kiện để công nhận giống vật nuôi là:*

- *Vật nuôi trong cùng một giống phải có chung nguồn gốc.*
- *Có ngoại hình, năng suất giống nhau.*
- *Có tính di truyền ổn định.*
- *Số lượng vật nuôi đủ lớn, phân bố rộng.*
- *Được Hội đồng Giống Quốc gia công nhận.*

+ *Vai trò của giống trong chăn nuôi:*

- *Quyết định đến năng suất chăn nuôi.*
- *Quyết định đến chất lượng sản phẩm chăn nuôi.*

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: ***Bài 3 – Khái niệm, vai trò của giống trong chăn nuôi.***

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu về giống vật nuôi

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS hiểu thế nào là giống vật nuôi một số cách phân loại giống vật nuôi và các điều kiện để công nhận giống vật nuôi.

b. Nội dung:

- GV tổ chức cho HS nghiên cứu mục I và quan sát Hình 3.1 trong SHS, thảo luận để trả lời câu hỏi.

- GV rút ra kết luận về giống vật nuôi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về khái niệm giống vật nuôi, các cách phân loại giống vật nuôi và các điều kiện để công nhận giống vật nuôi; gọi tên và phân biệt được các giống vật nuôi qua đặc điểm ngoại hình của chúng và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Khái niệm Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn HS thảo luận cặp đôi, quan sát Hình 3.1 SHS tr.20 và trả lời câu hỏi:  a) Gà Ri b) Gà Đông Tảo c) Gà Chọi d) Gà Ác Hình 3.1. Một số giống gà ở Việt Nam <i>Phân tích đặc điểm ngoại hình đặc trưng của các giống gà.</i> - GV hướng dẫn HS thảo luận cặp đôi, đọc mục I.1 SHS tr.20, 21 và trả lời câu hỏi: <i>Phân tích khái niệm giống vật nuôi, các căn cứ để phân loại giống vật nuôi.</i>	1. Tìm hiểu về giống vật nuôi a. Khái niệm - <i>Khái niệm:</i> Là quần thể vật nuôi cùng loài, nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố và phát triển do tác động của con người. - <i>Phân loại giống vật nuôi:</i> + Dựa vào nguồn gốc. + Dựa vào mức độ hoàn thiện của giống. + Dựa vào mục đích khai thác.

- GV trình chiếu cho HS xem về giống vật nuôi mới được công nhận tại Việt Nam:



Ngỗng xám



Ngựa Cabardin



Lợn Duroc



Dê Sanen



Vịt Sín Chéng



Lợn Mường Tè

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc thông tin, quan sát Hình 3.1 để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 cặp HS trả lời câu hỏi:

Đặc điểm ngoại hình đặc trưng:

+ Gà Đông Tảo: đầu to, mỏ nạm, mắt sâu, chân to xù xì có nhiều hàng vảy, xương to, da

<i>đỏ ở bụng.</i> + Gà Chọi: chân cao, mình dài, cổ cao, cựa sắt và dài. + Gà Ấc: thân hình nhỏ, nhẹ, thịt xương đen, lông trắng tuyền, mỏ, chân cũng màu đen. - GV rút ra kết luận về khái niệm giống vật nuôi. - GV yêu cầu các cặp HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. - GV chuyển sang nhiệm vụ mới.	
Nhiệm vụ 2: Điều kiện để công nhận giống vật nuôi Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc thông tin mục I.2 SHS tr.21 và trả lời câu hỏi: <i>Nêu các điều kiện để công nhận giống vật nuôi.</i> Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cặp đôi để tìm hiểu về điều kiện công nhận giống vật nuôi. - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả, hoạt động thảo luận - GV mời đại diện 1 – 2 cặp HS trả lời câu hỏi.	b. Điều kiện để công nhận giống vật nuôi - Vật nuôi trong cùng một giống phải có chung nguồn gốc. - Có ngoại hình, năng suất giống nhau. - Có tính di truyền ổn định. - Số lượng vật nuôi đủ lớn, phân bố rộng. - Được Hội đồng Giống Quốc gia công nhận.

- GV yêu cầu các cặp HS lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. - GV chuyển sang hoạt động mới.	
--	--

Hoạt động 2. Tìm hiểu về vai trò của giống trong chăn nuôi

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS hiểu yếu tố giống quyết định đến năng suất cũng như chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS thảo luận, đọc thông tin, phân tích bảng và quan sát hình ảnh mục II SHS để thực hiện nhiệm vụ.

- GV rút ra kết luận về vai trò của giống trong chăn nuôi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về trong cùng một điều kiện nuôi dưỡng, các giống vật nuôi khác nhau sẽ cho năng suất cũng như chất lượng khác nhau và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS		DỰ KIẾN SẢN PHẨM				
Nhiệm vụ 1: Quyết định đến năng suất chăn nuôi Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc thông tin Bảng 3.1 SHS tr.24 và trả lời câu hỏi: Bảng 3.1. Khả năng sản xuất trứng của một số giống gà <table><tr><th>Giống</th><th>Năng suất</th></tr><tr><td>Gà Ai Cập</td><td>Năng suất trứng khoảng 250-</td></tr></table>		Giống	Năng suất	Gà Ai Cập	Năng suất trứng khoảng 250-	2. Tìm hiểu về vai trò của giống trong chăn nuôi a. Quyết định đến năng suất chăn nuôi Trong cùng điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc thì các giống vật nuôi khác nhau sẽ cho năng suất trứng khác nhau:
Giống	Năng suất					
Gà Ai Cập	Năng suất trứng khoảng 250-					

	280 quả/năm	
Gà Ri	Năng suất trứng khoảng 90-120 quả/năm	
Gà Mía	Năng suất trứng khoảng 60-70 quả/năm	
Gà Leghorn	Năng suất trứng khoảng 160-220 quả/năm	

Chứng minh rằng, cùng một chế độ nuôi dưỡng, chăm sóc nhưng các giống khác nhau cho năng suất khác nhau.

- GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, quan sát mục Kết nối năng lực SHS tr.22 và trả lời câu hỏi:
- + *Ý định của bác Sáu có thành công không? Vì sao?*
- + *Lấy ví dụ về giống vật nuôi tại gia đình.*
- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về quyết định đến năng suất chăn nuôi.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc thông tin Bảng 3.1 và Kết nối năng lực để trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 cặp HS trả lời.
- GV mời HS quan sát mục Kết nối năng lực và

trả lời câu hỏi: <i>Ý định của bác Sáu không thành công. Vì khả năng sản xuất trứng của giống gà Ri và giống gà Ai Cập là khác nhau.</i> - GV rút ra kết luận về quyết định đến năng suất chăn nuôi. - GV yêu cầu khác cặp HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. - GV chuyển sang nhiệm vụ mới.			
Nhiệm vụ 2: Quyết định đến chất lượng sản phẩm chăn nuôi Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu các nhóm thảo luận theo nhóm, đọc thông tin mục II.2 SHS tr.22 và thực hiện nhiệm vụ: + <i>Phân tích yếu tố giống quyết định đến chất lượng sản phẩm chăn nuôi.</i> - GV yêu cầu các nhóm thảo luận theo nhóm, quan sát Bảng 3.2 SHS tr.22 và trả lời hỏi: + <i>Chứng minh yếu tố giống tác động đến chất lượng sản phẩm chăn nuôi.</i> Bảng 3.2. Chất lượng sản phẩm chăn nuôi của một số giống vật nuôi <table border="1" data-bbox="203 1837 868 1896"> <tr> <th data-bbox="203 1837 435 1896">Giống</th><th data-bbox="435 1837 868 1896">Chất lượng sản phẩm</th></tr> </table>	Giống	Chất lượng sản phẩm	b. Quyết định đến chất lượng sản phẩm chăn nuôi - Giống là yếu tố quan trọng nhất quyết định đến chất lượng các sản phẩm chăn nuôi. - Các giống vật nuôi khác nhau sẽ cho chất lượng sản phẩm chăn nuôi khác nhau:
Giống	Chất lượng sản phẩm		

	chăn nuôi	
Lợn Móng Cái	Tỉ lệ nạc khoảng 32 – 35%	
Lợn Landrace	Tỉ lệ nạc khoảng 54 – 56%	
Bò sữa Hà Lan (Holstein Friesian)	Tỉ lệ mỡ sữa trung bình khoảng 3,2 – 3,7%	
Bò nâu Thụy Sĩ (Brown Swiss)	Tỉ lệ mỡ sữa trung bình khoảng 3,5 – 4.0%	
Bò Red Sindi	Tỉ lệ mỡ sữa trung bình khoảng 4.0 – 4,5%	
Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin mục II.2 và Bảng 3.2 để trả lời câu hỏi. - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện các nhóm lần lượt trình bày về các một số phương pháp lai. - GV rút ra kết luận về quyết định đến chất lượng sản phẩm chăn nuôi. - GV yêu cầu các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ		

vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.
- GV chuyển sang nội dung mới.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS vận dụng những kiến thức đã học và thực tiễn để trả lời câu hỏi.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS trả lời nhanh câu hỏi trắc nghiệm trong Phiếu bài tập.

c. Sản phẩm: HS chọn được các đáp án đúng và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV phát Phiếu bài tập cho HS, yêu cầu HS trả lời trong vòng 5 phút.

Trường THPT:.....

Lớp:.....

PHIẾU BÀI TẬP**BÀI 3: KHÁI NIỆM, VAI TRÒ CỦA GIỐNG TRONG CHĂN NUÔI**

Thời gian: 5 phút

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Giống vật nuôi là gì

- A. là quần thể vật nuôi khác loài, khác nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền khác nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người.
- B. là quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau.
- C. là quần thể có số lượng giống vật nuôi lớn.
- D. là quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con

người.

Câu 2: Để được công nhận là giống vật nuôi, gia cầm cần phải đạt số lượng vật nuôi là bao nhiêu con?

- A. 10 000 con.
- B. 5 000 con.
- C. 300 con.
- D. 15 000 con.

Câu 3: Có bao nhiêu điều kiện để công nhận giống vật nuôi?

- A. 3.
- B. 5.
- C. 7.
- D. 2.

Câu 4: Giống vật nuôi được phân loại theo những cách nào?

- A. nguồn gốc, mức độ hoàn thiện, chất lượng.
- B. mức độ hoàn thiện, mục đích khai thác, giá cả.
- C. thị trường, nguồn gốc, mục đích khai thác.
- D. nguồn gốc, mức độ hoàn thiện, mục đích khai thác.

Câu 5: Đặc điểm của gà Ri là

- A. gà mái có lông vàng rơm, chân vàng, đầu nhỏ, thanh. Gà trống có lông đỏ tía, cánh và đuôi có lông đen, dáng chắc khỏe, ngực vuông và mào đứng.
- B. đầu to, mào nụ, mắt sâu, chân to xù xì có nhiều hàng vảy, xương to, da đỏ ở bụng.
- C. chân cao, mình dài, cổ cao, cựa sắt và dài.
- D. thân hình nhỏ, nhẹ, thịt xương đen, lông trắng tuyền, mỏ, chân cũng màu đen.

Câu 6: Trong cùng điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc thì các giống vật nuôi khác nhau sẽ cho năng suất ...

A. tương đồng nhau.

B. giống nhau.

C. khác nhau.

D. dị biệt.

Câu 7: Yếu tố nào quan trọng nhất quyết định đến chất lượng các sản phẩm chăn nuôi?

A. năng suất.

B. khoa học kỹ thuật.

C. thức ăn.

D. giống.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học, hiểu biết thực tế về khái niệm, vai trò của giống trong chăn nuôi để hoàn thành nhanh Phiếu bài tập.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV thu Phiếu bài tập và mời đại diện 1 – 2 HS đọc đáp án:

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	D	A	B	D	A	C	D

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu đáp án khác (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.

- GV chuyển sang nội dung mới.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức vào thực tiễn để nêu được đặc điểm của các giống vật nuôi ở địa phương.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS về nhà phân tích quan sát các giống vật nuôi ở địa phương, ghi chép lại các đặc điểm đặc trưng về ngoại hình của từng giống.

c. Sản phẩm: HS nêu được đặc điểm đặc trưng của các giống vật nuôi ở địa phương.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà: *Quan sát các giống vật nuôi ở gia đình, địa phương em, nêu những đặc điểm đặc trưng của từng giống.*

- GV hướng dẫn HS:

+ *Chọn giống vật nuôi.*

+ *Nêu đặc điểm đặc trưng của giống đó.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức vào thực tiễn để nêu những đặc điểm đặc trưng của từng giống ở địa phương.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

HS nộp sản phẩm vào bài học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV nhận xét, đánh giá và kết thúc bài học.

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Ôn lại kiến thức đã học:

+ *Giống vật nuôi.*

+ *Vai trò của giống trong chăn nuôi.*

- Trả lời câu hỏi bài tập phần Luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ phần Vận dụng SHS tr.22.

- Làm bài tập Bài 4 – Sách bài tập Công nghệ chăn nuôi 11.

- Đọc và tìm hiểu trước nội dung *Bài 4 – Chọn giống vật nuôi.*

Ngày soạn:.../.../...

Ngày dạy:.../.../...

BÀI 4: CHỌN GIỐNG VẬT NUÔI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được các chỉ tiêu cơ bản để chọn giống vật nuôi.
- Nêu được một số phương pháp chọn giống vật nuôi.
- Lựa chọn được phương pháp chọn giống phù hợp với mục đích chăn nuôi.

2. Năng lực

Năng lực chung: Lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp để tìm hiểu thêm về phương pháp chọn giống vật nuôi.

Năng lực riêng:

- Nêu được các chỉ tiêu cơ bản để chọn giống vật nuôi.
- Nêu được một số phương pháp chọn giống vật nuôi.
- Lựa chọn được phương pháp chọn giống phù hợp với mục đích chăn nuôi.

3. Phẩm chất

- Tham gia tích cực trong tìm hiểu về giống vật nuôi và phương pháp chọn giống vật nuôi.
- Nhận thức được phương pháp chọn giống phù hợp với mục đích chăn nuôi để có thể đề xuất với gia đình, người thân trong việc lựa chọn giống vật nuôi nhằm mang lại hiệu quả kinh tế.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SHS, SGK Công nghệ chăn nuôi 11.

- Tranh, ảnh, video liên quan đến chọn giống vật nuôi, các chỉ tiêu cơ bản để chọn giống vật nuôi và một số phương pháp chọn giống vật nuôi ở địa phương và các trung tâm nhân giống.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SHS Công nghệ chăn nuôi 11.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm có liên quan đến nội dung bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Thông qua hình ảnh, video, tình huống thực tế liên quan đến chọn giống vật nuôi, các chỉ tiêu cơ bản để chọn giống vật nuôi, kích thích HS mong muốn tìm hiểu về nội dung bài học.

b. Nội dung: GV sử dụng hình ảnh phần dẫn nhập SHS tr.23 và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về chọn giống vật nuôi, các chỉ tiêu cơ bản để chọn giống vật nuôi và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV trình chiếu và hướng dẫn HS quan sát hình ảnh phần dẫn nhập :



- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

+ *Em hãy cho biết hình ảnh trên là chọn giống vật nuôi nào ?*

+ *Khi chọn giống vật nuôi, người ta thường căn cứ vào những chỉ tiêu nào ?*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát hình ảnh, vận dụng hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi:

+ *Đây là hình ảnh mô tả chọn giống vật nuôi con bò.*

+ *Một số chỉ tiêu cơ bản để chọn giống vật nuôi là:*

- *Hình dáng*
- *Thể chất*
- *Tốc độ tăng trưởng*
- *Sức khỏe của vật nuôi*
- *Khả năng sinh sản*
- ...

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: ***Bài 4 – Chọn giống vật nuôi.***

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu về khái niệm chọn giống vật nuôi

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS hiểu được khái niệm chọn giống vật nuôi.

b. Nội dung:

- GV giới thiệu ca dao, tục ngữ nói về kinh nghiệm chọn giống vật nuôi của ông cha ta.

- GV hướng dẫn HS nghiên cứu mục I trong SHS và yêu cầu trả lời câu hỏi.

- GV rút ra kết luận về khái niệm chọn giống vật nuôi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về khái niệm chọn giống vật nuôi và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giới thiệu câu ca dao, tục ngữ về kinh nghiệm chọn giống vật nuôi của ông cha như: <i>Gà nâu, chân thấp. mình to</i> <i>Đẻ nhiều trứng lớn, con vừa khéo nuôi</i> <i>Chẳng nên nuôi giống pha mùi</i> <i>Trứng không đẻ mấy, con nuôi vụng về.</i> - GV hướng dẫn HS nghiên cứu mục I SHS tr.23 và trả lời câu hỏi: <i>Em hãy cho biết chọn giống vật nuôi là gì? Mục đích của chọn giống vật nuôi?</i> - GV yêu cầu HS liên hệ, vận dụng thực tế tại gia đình, địa phương để trả lời câu hỏi: <i>Em hãy nêu thêm ví dụ về chọn giống một loại vật nuôi ở gia đình, địa phương em.</i> Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin SHS và trả lời câu hỏi. - HS dựa vào hiểu biết của bản thân để nêu thêm ví dụ. - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận	1. Tìm hiểu về khái niệm chọn giống vật nuôi - <i>Khái niệm:</i> + Là lựa chọn và giữ lại làm giống những cá thể mang đặc tính tốt, phù hợp với mục đích của chăn nuôi và mong muốn của người chọn giống. + Thải loại các cá thể không đạt yêu cầu. - <i>Mục đích:</i> Duy trì và nâng cao những đặc điểm tốt của giống vật nuôi qua mỗi thế hệ.

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. - GV tiếp tục mời 2-3 HS nêu thêm ví dụ về chọn giống vật nuôi ở gia đình, địa phương: + Chọn giống lợn: <i>mình trong, lưng thẳng, bụng không sệ, mông nở, bốn chân cứng cáp, móng chân gọn, da mỏng, lông mịn, có 10-12 vú, vú đều và nở.</i> + Chọn giống vịt cỏ: <i>tầm vóc nhỏ bé, nhanh nhẹn, dễ nuôi, lông có nhiều màu khác nhau.</i> - GV rút ra kết luận về chọn giống vật nuôi. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. - GV chuyển sang nhiệm vụ mới.	
--	--

Hoạt động 2. Tìm hiểu về các tiêu chí cơ bản để chọn giống vật nuôi

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nhận biết được các chỉ tiêu cơ bản để chọn giống vật nuôi như chỉ tiêu ngoại hình; chỉ tiêu thể chất; chỉ tiêu về sinh trưởng, phát dục; chỉ tiêu khả năng sản xuất của vật nuôi.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS nghiên cứu mục II trong SHS và thực hiện nhiệm vụ.
- GV rút ra kết luận về các chỉ tiêu cơ bản để chọn giống vật nuôi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về các chỉ tiêu cơ bản để chọn giống vật nuôi và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
-----------------------	------------------

Nhiệm vụ 1: Ngoại hình

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, đọc thông tin mục II.1, SHS tr.24 và trả lời câu hỏi:

+ *Nêu khái niệm ngoại hình.*

+ *Một số chỉ tiêu ngoại hình trong chọn giống là gì?*

- GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, quan sát hình 4.1 và trả lời câu hỏi:



Em hãy chỉ ra những đặc trưng về ngoại hình khi chọn giống bò hướng thịt và bò hướng sữa.

- GV yêu cầu HS liên hệ, vận dụng hiểu biết thực tế tại địa phương trả lời câu hỏi: *Sử dụng internet, sách, báo,... tìm hiểu về các chỉ tiêu ngoại hình của một giống vật nuôi phổ biến ở địa phương em.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc thông tin II.1 kết hợp quan sát hình 4.1 để trả lời câu hỏi.

- HS vận dụng hiểu biết thực tế để nêu các tiêu

2. Tìm hiểu về các tiêu chí cơ bản để chọn giống vật nuôi

a. Ngoại hình

- *Khái niệm:* Hình dáng bên ngoài của vật nuôi, liên quan đến sức khỏe, cấu tạo, chức năng của các bộ phận bên trong cơ thể và khả năng sản xuất.

- *Tiêu chí trong chọn giống:* hình dáng toàn thân, màu sắc da, lông, tai, mõm, bụng, số núm vú, sừng, chân (gia súc), mào, tích, chân, màu lông (gia cầm).

chí ngoại hình của giống vật nuôi ở địa phương.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời:

Hình a: Bò hướng thịt: Toàn thân giống hình chữ nhật, bề ngang, bề sâu phát triển, đầu ngắn, rộng, đầy đặn vùng vai tiếp giáp với lưng bằng phẳng, mông rộng chắc, đuôi nở nang, chân ngắn, da mềm mỏng....

Hình b: Bò hướng sữa: Thân hình phần sau phát triển hơn phần trước, bầu vú to hình bát úp, núm vú tròn cách đều nhau, tĩnh mạch vú nổi rõ, đầu thanh, cổ dài, lưng thẳng rộng, đuôi sâu, da mỏng mỡ dưới da ít phát triển.

- GV mời 1-2 HS chia sẻ hiểu biết về tiêu chí ngoại hình của giống vật nuôi ở địa phương.

Ví dụ:

Gà Đông Tảo: Những con có đầu to, mào đỏ, dái tai to, tích gà đỏ xệ đều đồng thời bộ lông mượt và tươi màu. Thân hình gà bệ vệ, dáng đứng thẳng di chuyển nhanh nhẹn, linh hoạt.

Trâu đực: Những con có ngoại hình cân đối, tầm vóc và khối lượng lớn, lông vạm vỡ, khỏe mạnh, tính chất nhanh nhẹn, hăng hái.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận

xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. - GV chuyển sang nhiệm vụ mới.	
Nhiệm vụ 2: Thể chất Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, đọc thông tin mục II.2 trong SHS tr.24 và trả lời câu hỏi: + <i>Thể chất là gì?</i> + <i>Thể chất phụ thuộc vào những yếu tố nào?</i> Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận nhóm đôi, đọc thông tin mục II.2 SHS tr. 24 và trả lời câu hỏi. - HS rút ra kết luận về tiêu chí thể chất trong chọn giống vật nuôi theo hướng dẫn của GV. - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời một số nhóm trình bày câu trả lời. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập	b. Thể chất - <i>Khái niệm:</i> đặc tính thích nghi của con vật trong những điều kiện sinh sống và di truyền nhất định, liên quan đến sức khỏe và khả năng sản xuất của con vật. - <i>Phụ thuộc vào những yếu tố:</i> tốc độ sinh trưởng, kích thước của vật nuôi, sức khỏe của vật nuôi, khả năng hoạt động của vật nuôi,...

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. - GV chuyển sang nhiệm vụ mới.	
Nhiệm vụ 3: Sinh trưởng, phát dục Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, đọc thông tin mục II.3 trong SHS tr.25 và trả lời câu hỏi: + <i>Thế nào là sinh trưởng, phát dục của vật nuôi?</i> + <i>Nêu ví dụ minh họa.</i> Gv yêu cầu HS vận dụng hiểu biết thực tế trả lời câu hỏi: <i>Sử dụng internet, sách, báo,.. và cho biết nghiên cứu sinh trưởng, phát dục theo giai đoạn có ý nghĩa gì trong chăn nuôi.</i> Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận nhóm đôi, đọc thông tin mục II.3 SHS tr. 25 và trả lời câu hỏi. - HS vận dụng hiểu biết, tham khảo sách, báo, internet,... để trả lời câu hỏi thực tế. - HS rút ra kết luận về tiêu chí sinh trưởng, phát dục trong chọn giống vật nuôi theo hướng dẫn của GV. - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận	c. Sinh trưởng, phát dục - <i>Khái niệm:</i> + <i>Sinh trưởng:</i> sự tích lũy chất hữu cơ do quá trình trao đổi chất, làm cho cơ thể tăng lên về khối lượng, thể tích và kích thước của từng cơ quan, bộ phận và toàn cơ thể. + <i>Phát dục:</i> quá trình biến đổi về chất của cơ thể, bao gồm sự hình thành và hoàn thiện chức năng của từng cơ quan, bộ phận mới của cơ thể ngay từ giai đoạn đầu tiên của bào thai và trong suốt quá trình phát triển của cơ thể con vật. - <i>Ý nghĩa:</i> + Giúp cơ thể vật nuôi phát triển hoàn chỉnh. + Là căn cứ quan trọng để chọn lọc vật nuôi.

- GV mời một số nhóm trình bày câu trả lời. <i>Ví dụ:</i> <i>Sinh trưởng: Khối lượng gà Tre lúc mới nở khoảng 20g, 4 tuần tuổi là 77g, 8 tuần tuổi đạt 118g, 16 tuần tuổi đạt 186g.</i> <i>Phát dục: Gà trống biết gáy; gà mái bắt đầu đẻ trứng.</i> - GV mới 1-2 HS nêu ý nghĩa của sinh trưởng, phát dục trong chăn nuôi. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. - GV chuyển sang nhiệm vụ mới.	
Nhiệm vụ 4: Khả năng sản xuất Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, đọc thông tin mục II.4 trong SHS tr.25 và trả lời câu hỏi: + <i>Khả năng sản xuất là gì?</i> + <i>Khả năng sản xuất phụ thuộc vào những yếu tố nào?</i> - GV trình chiếu Bảng 4.1 mục II.4 để HS hiểu thêm về khả năng sản xuất của một số giống vật nuôi tại Việt Nam:	d. Khả năng sản xuất - <i>Khái niệm:</i> Khả năng tạo ra sản phẩm của vật nuôi: năng suất sinh sản, cho thịt, trứng, sữa, sức kéo. - <i>Phụ thuộc vào yếu tố:</i> từng loại giống, chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng và đặc điểm cá thể.

STT	Giống	Khả năng sản xuất
1	Lợn Yorkshire	Tăng trọng trung bình 590,6 g/ngày
2	Lợn Landrace	Tăng trọng trung bình 510,1 g/ngày
3	Bò Lai Sind	Sản lượng sữa khoảng 1 200 – 1 500 kg/chu kì
4	Bò Holstein Friesian	Sản lượng sữa khoảng 3 500 – 4 000 kg/chu kì

- GV yêu cầu HS vận dụng hiểu biết thực tế tại địa phương, trả lời câu hỏi: *Sử dụng internet, sách, báo,... để tìm hiểu thêm khả năng sản xuất của một số giống vật nuôi phổ biến ở địa phương em.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận nhóm đôi, đọc thông tin mục II.4 SHS tr. 25 và trả lời câu hỏi.

- HS vận dụng hiểu biết, tham khảo sách, báo, internet,... để trả lời câu hỏi thực tế.

- HS rút ra kết luận về tiêu chí khả năng sản xuất trong chọn giống vật nuôi theo hướng dẫn của GV.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời một số nhóm trình bày câu trả lời.

- GV mời 1-2 HS trả lời câu hỏi thực tế:

+ *Bò vàng Việt Nam: Sản lượng sữa của giống bò vàng Việt Nam chỉ từ 300 - 400kg/chu kì từ 6 - 7 tháng.*

+ *Giống Gà Ri: Năng suất trứng khoảng 90 -*

120 quả/mái/năm.

+ Giống bò sữa Holstein Friesian: Sản lượng sữa từ 5.000 - 8.000 lít/chu kỳ.



Giống Bò vàng Việt Nam



Giống Gà Ri



Bò sữa Holstein Friesian

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm

vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. - GV chuyển sang hoạt động mới.	
---	--

Hoạt động 3. Tìm hiểu về một số phương pháp chọn giống vật nuôi

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nhận biết được khái niệm, các bước tiến hành, ưu và nhược điểm của một số phương pháp chọn giống vật nuôi: chọn lọc hàng loạt, chọn lọc cá thể.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS nghiên cứu mục III trong SHS và thực hiện nhiệm vụ.
- GV rút ra kết luận về các phương pháp chọn giống vật nuôi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về các phương pháp chọn giống vật nuôi và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Chọn lọc hàng loạt Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành 6 nhóm (2 nhóm thực hiện 1 nhiệm vụ), yêu cầu HS thảo luận nhóm, đọc thông tin mục III.1, SHS tr.26 và trả lời câu hỏi: + Nhóm 1, 2: <i>Nêu khái niệm chọn lọc hàng loạt.</i> + Nhóm 3, 4: <i>Em hãy nêu các bước tiến hành chọn lọc hàng loạt.</i> + Nhóm 5, 6: <i>Em hãy nêu ưu điểm, nhược điểm của chọn lọc hàng loạt.</i> - GV yêu cầu HS liên hệ, vận dụng thực tế để	3. Tìm hiểu về một số phương pháp chọn giống vật nuôi a. Chọn lọc hàng loạt - <i>Khái niệm:</i> Dựa vào ngoại hình, các chỉ tiêu về khả năng sản xuất của đàn vật nuôi để chọn những cá thể phù hợp với mục tiêu chọn giống. - <i>Các bước tiến hành:</i> + B1: Xác định các chỉ tiêu chọn lọc phù hợp (khối lượng cơ thể, năng suất trứng, sữa,...). + B2: Dựa vào đặc điểm kiểu hình, kết quả ghi chép khả năng sản xuất

trả lời câu hỏi: <i>Sử dụng internet, sách, báo,... tìm hiểu về phương pháp chọn lọc hàng loạt một số vật nuôi phổ biến.</i> - GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về phương pháp chọn lọc hàng loạt giống vật nuôi. Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin III.1, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi. - HS vận dụng hiểu biết thực tế để chia sẻ phương pháp chọn lọc hàng loạt một số vật nuôi phổ biến. - HS rút ra kết luận về phương pháp chọn lọc hàng loạt giống vật nuôi theo hướng dẫn của GV. - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện các nhóm trình bày câu trả lời. - GV mời 1-2 HS chia sẻ hiểu biết về phương pháp chọn lọc hàng loạt ở một số vật nuôi: <i>Ví dụ:</i> + <i>Để có giống gà ri ngày càng tốt hơn người ta giữ lại làm giống những con gà trống và gà mái chổng lớn, đẻ nhiều trứng, ấp trứng và nuôi con khéo.</i>	(Thế hệ xuất phát) -> Chọn cá thể đạt chỉ tiêu chọn lọc (thế hệ 1), cá thể không đạt thì loại bỏ. + <i>B3: Đánh giá hiệu quả chọn lọc (so sánh chỉ tiêu chọn lọc thế hệ 1 với thế hệ xuất phát).</i> - <i>Ưu và nhược điểm:</i> + <i>Ưu điểm:</i> dễ tiến hành, không đòi hỏi kỹ thuật cao, không tốn kém. + <i>Nhược điểm:</i> chủ yếu căn cứ vào kiểu hình, không biết kiểu gene -> hiệu quả chọn lọc không cao và không ổn định.
---	--

+ Trong 1 đàn gà Lơgo chọn ra những con có sản lượng trứng cao từ 200 quả đến 250 quả/một chu kì 300 ngày sẽ được giữ lại làm giống, những con đẻ số lượng trứng ít hơn bị loại thải. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. - GV chuyển sang nhiệm vụ mới.	
Nhiệm vụ 2: Chọn lọc cá thể Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giữ nguyên nhóm ở Nhiệm vụ 1, yêu cầu HS thảo luận nhóm, đọc thông tin mục III.2, SHS tr.26-27 và trả lời câu hỏi: + Nhóm 1, 2: Nêu khái niệm chọn lọc cá thể. + Nhóm 3, 4: Em hãy nêu các bước tiến hành chọn lọc cá thể. + Nhóm 5, 6: Em hãy nêu ưu điểm, nhược điểm của chọn lọc cá thể. - GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về phương pháp chọn lọc cá thể giống vật nuôi. Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin III.2, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.	b. Chọn lọc cá thể - Khái niệm: Chọn ra một hay vài cá thể biểu hiện các đặc điểm phù hợp với mục đích đặt ra của giống (thường là đực giống). - Các bước tiến hành: + B1: Chọn lọc tổ tiên (tìm con vật có tính trạng trội, tốt trong phả hệ, lí lịch tổ tiên của con vật). + B2: Chọn lọc bản thân (kiểm tra năng suất dựa vào các đặc điểm về ngoại hình, khả năng sinh trưởng, phát dục và khả năng sản xuất). + B3: Chọn lọc theo đời sau (các tiêu chuẩn đánh giá như bước 2). - Ưu và nhược điểm:

- HS rút ra kết luận về phương pháp chọn lọc hàng loạt giống vật nuôi theo hướng dẫn của GV. - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện các nhóm trình bày câu trả lời. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. - GV chuyển sang nội dung mới.	+ <i>Ưu điểm:</i> Hiệu quả chọn lọc cao, giống được tạo ra đồng đều, năng suất ổn định, sử dụng được trong thời gian dài. + <i>Nhược điểm:</i> cần nhiều thời gian, cơ sở vật chất và yêu cầu kĩ thuật cao.
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS vận dụng những kiến thức đã học và thực tiễn để trả lời câu hỏi.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS trả lời nhanh câu hỏi trắc nghiệm trong Phiếu bài tập.

c. Sản phẩm: HS chọn được các đáp án đúng và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV phát Phiếu bài tập cho HS, yêu cầu HS trả lời trong vòng 5 phút.

Trường THPT:..... Lớp:..... PHIẾU BÀI TẬP

BÀI 4: CHỌN GIỐNG VẬT NUÔI

Thời gian: 5 phút

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Ngoại hình của vật nuôi là gì ?

- A. là chất lượng bên trong cơ thể vật nuôi.
- B. là đặc điểm bên ngoài của con vật, mang đặc trưng cho từng giống.
- C. là sự tăng thêm về khối lượng, kích thước, thể tích của từng bộ phận hay của toàn cơ thể con vật.
- D. mức độ sản xuất ra sản phẩm của con vật.

Câu 2: Trong những giải pháp sau, đâu không phải là giải pháp để tăng năng suất cho lợn ở những thế hệ sau?

- A. Chọn giống lợn có năng suất cao.
- B. Loại bỏ những con lợn có năng suất thấp.
- C. Áp dụng phương pháp nuôi chuồng trại công nghệ cao.
- D. Chăm sóc, dinh dưỡng và điều trị bệnh tốt.

Câu 3: Ý nào sau đây **không** phải tiêu chí chọn giống vật nuôi ?

- A. Ngoại hình, thể chất.
- B. Khả năng sinh trưởng, phát dục.
- C. Khả năng sinh sản.
- D. Năng suất và chất lượng sản phẩm.

Câu 4: Chọn vật nuôi làm giống nên chọn thế nào?

- A. Chọn một con bất kì trong đàn.
- B. Chọn một con có tiềm năng di truyền xấu.
- C. Chọn những con có tính trạng tốt nhiều hơn tính trạng xấu.
- D. Chọn những con có tiềm năng di truyền vượt trội với những tính trạng mong muốn.

Câu 5: Đâu **không** phải là một trong số các chỉ tiêu để đánh giá sinh trưởng của

một vật.

- A. khối lượng cơ thể qua các giai đoạn
- B. kích thước cơ thể
- C. tốc độ tăng khối lượng
- D. hiệu quả sử dụng thức ăn

Câu 6: Nhược điểm của phương pháp chọn lọc dựa vào chỉ thị phân tử là?

- A. Khó phân biệt được các nhóm vật nuôi khác nhau.
- B. Khó chọn lọc ra được tính trạng mong muốn.
- C. Yêu cầu kĩ thuật cao, trang thiết bị hiện đại và tốn kém.
- D. Mất nhiều thời gian.

Câu 7: Trong các loài vật dưới đây, loài nào là vật nuôi ngoại nhập?

- A. Vịt Bầu
- B. Lợn Í
- C. Bò BBB
- D. Gà Đông Tảo

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học, hiểu biết thực tế về chọn giống vật nuôi để hoàn thành nhanh Phiếu bài tập.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV thu Phiếu bài tập và mời đại diện 1 – 2 HS đọc đáp án:

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	B	B	C	D	B	C	C

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu đáp án khác (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.
- GV chuyển sang nội dung mới.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức vào thực tiễn để đề xuất biện pháp chọn giống phù hợp cho một đối tượng vật nuôi cụ thể ở gia đình và địa phương.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS về nhà quan sát, thu thập thông tin, lập bảng thống kê các ý kiến đề xuất biện pháp chọn giống phù hợp cho một đối tượng vật nuôi cụ thể tại gia đình hoặc địa phương.

c. Sản phẩm: Bảng ý kiến đề xuất với gia đình về việc chọn giống vật nuôi phù hợp với đối tượng và mục đích chăn nuôi.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà: *Quan sát thực tiễn chăn nuôi ở gia đình và địa phương, hãy đề xuất biện pháp chọn giống phù hợp cho một đối tượng vật nuôi cụ thể.*

- GV hướng dẫn HS:

- + *Giống vật nuôi đó là gì?*
- + *Biện pháp để chọn giống phù hợp là gì?*
- + *Nêu cụ thể cách các phương pháp áp dụng.*
- + *Kết quả*
- +...

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức vào thực tiễn để đề xuất biện pháp chọn giống phù hợp cho một đối tượng vật nuôi cụ thể.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

HS nộp sản phẩm vào bài học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV nhận xét, đánh giá và kết thúc bài học.

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Ôn lại kiến thức đã học:

+ *Khái niệm chọn giống vật nuôi.*

+ *Các chỉ tiêu cơ bản để chọn giống vật nuôi.*

+ *Một số phương pháp chọn giống vật nuôi.*

- Trả lời câu hỏi bài tập phần Luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ phần Vận dụng SHS tr.27.

- Làm bài tập Bài 4 – Sách bài tập Công nghệ chăn nuôi 11.

- Đọc và tìm hiểu trước nội dung *Bài 5 – Nhân giống vật nuôi.*

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

<https://www.vnteach.com>

Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com

<https://www.facebook.com/groups/vnteach/>

<https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/>

Ngày soạn:.../.../...

Ngày dạy:.../.../...

BÀI 5: NHÂN GIỐNG VẬT NUÔI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được các phương pháp nhân giống vật nuôi.
- Lựa chọn được phương pháp nhân giống phù hợp với mục đích sử dụng.

2. Năng lực

Năng lực chung: Lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp để tìm hiểu thêm về các phương pháp nhân giống vật nuôi ở Việt Nam và trên thế giới.

Năng lực riêng:

- Nêu được các phương pháp nhân giống vật nuôi.
- Lựa chọn được phương pháp nhân giống phù hợp với mục đích sử dụng.

3. Phẩm chất

- Tham gia tích cực trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, nhân giống vật nuôi.
- Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc bảo vệ môi trường chăn nuôi.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SHS, SGK Công nghệ chăn nuôi 11.
- Tranh, ảnh, video.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SHS Công nghệ chăn nuôi 11.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm có liên quan đến nội dung bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Thông qua hình ảnh và các câu hỏi gợi ý giúp HS gợi nhớ lại những kiến thức đã có về nhân giống vật nuôi đã học ở môn Công nghệ lớp 7.

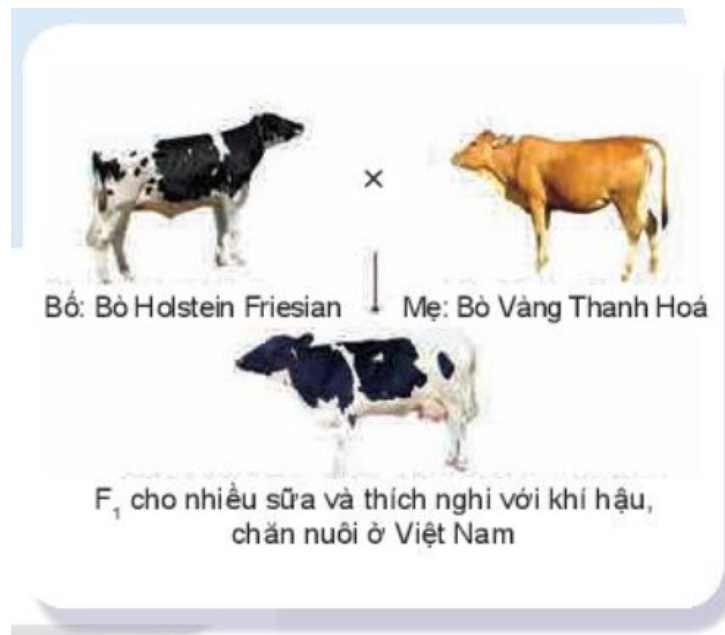
b. Nội dung: GV sử dụng hình ảnh phần dẫn nhập SHS tr.28 và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về phương pháp nhân giống vật nuôi, mục đích của phương pháp chọn giống vật nuôi và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV trình chiếu và hướng dẫn HS quan sát hình ảnh phần dẫn nhập :



- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Hình ảnh em vừa quan sát mô tả phương pháp chọn phối cùng giống hay phương pháp chọn phối khác giống? Mục đích của cách chọn phối này?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát hình ảnh, vận dụng kiến thức đã được học trong chương trình Công nghệ 7 để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi:

+ Đây là hình ảnh mô tả phương pháp chọn phối khác giống.

+ Mục đích của phương pháp này:

- Tạo ra nhiều cá thể của giống đã có với yêu cầu.
- Giữ được và hoàn thiện đặc tính tốt của giống đó.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: **Bài 5 – Nhân giống vật nuôi.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu về nhân giống thuần chủng

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS hiểu được khái niệm và mục đích của nhân giống thuần chủng vật nuôi.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS nghiên cứu mục I trong SHS, yêu cầu HS trả lời các câu hỏi.

- GV rút ra kết luận về nhân giống thuần chủng.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về khái niệm và mục đích của nhân giống thuần chủng vật nuôi và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Khái niệm giống thuần chủng Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc	1. Tìm hiểu về nhân giống thuần chủng

thông tin mục I.1, kết hợp quan sát Hình 5.1 SHS tr.28 và trả lời câu hỏi:

+ *Giống thuần chủng (giống thuần)* là gì?

+ *Nhân giống thuần chủng* là gì?



Hình 5.1. Sơ đồ nhân giống thuần chủng ở vật nuôi

- GV hướng dẫn HS đọc thêm thông tin về giống lợn Móng Cái SHS tr.28 và trình chiếu cho HS quan sát thêm hình ảnh về giống lợn này.



Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

a. Khái niệm giống thuần chủng

- *Giống thuần chủng (giống thuần)*: là giống có đặc tính di truyền đồng nhất và ổn định, các thế hệ con cháu sinh ra giống với thế hệ trước.

- *Nhân giống thuần chủng*: cho giao phối giữa con đực và con cái thuộc cùng một giống thuần chủng để thiết lập và duy trì các tính trạng ổn định mà con vật sẽ truyền cho thế hệ tiếp theo.

- HS đọc thông tin, quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. - GV rút ra kết luận về khái niệm giống thuần chủng. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. - GV chuyển sang nhiệm vụ mới.	
Nhiệm vụ 2: Mục đích của nhân giống thuần chủng Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, đọc thông tin mục I.2 SHS tr.29 và trả lời câu hỏi: + <i>Nêu mục đích của nhân giống thuần chủng.</i> + <i>Phương pháp nhân giống thuần chủng thường áp dụng với đối tượng vật nuôi nào?</i> - GV yêu cầu HS liên hệ, vận dụng thực tế để trả lời câu hỏi: <i>Sử dụng internet, sách, báo,...để tìm hiểu vì sao phải nhân giống thuần chủng với các giống nhập nội.</i> Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ	b. Mục đích của nhân giống thuần chủng - Bảo tồn các giống vật nuôi quý hiếm. - Phát triển, khai thác ưu thế của các giống vật nuôi nội. - Phát triển số lượng đối với giống nhập nội và củng cố các đặc tính mong muốn đối với giống mới gây thành. - Một số đối tượng vật nuôi áp dụng được phương pháp nhân giống thuần chủng: lợn ỉ, lợn cỏ, gà Hồ, gà Tre,...

học tập

- HS làm việc cặp đôi, hoạt động nhóm để tìm hiểu về mục đích của nhân giống thuần chủng.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả, hoạt động thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi.
- GV rút ra kết luận về mục đích nhân giống thuần chủng.
- GV yêu cầu các HS lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.
- GV chuyển sang hoạt động mới.

Hoạt động 2. Tìm hiểu về lai giống

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS hiểu được khái niệm lai giống; nêu được các phương pháp lai, hiểu được sơ đồ lai tạo các giống vật nuôi.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS nghiên cứu mục II trong SHS, kết hợp phân tích hình 5.3, yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV rút ra kết luận về lai giống.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về khái niệm lai giống; các phương pháp lai, hiểu được sơ đồ lai tạo các giống vật nuôi và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<i>Nhiệm vụ 1: Khái niệm lai giống</i>	2. Tìm hiểu về lai giống

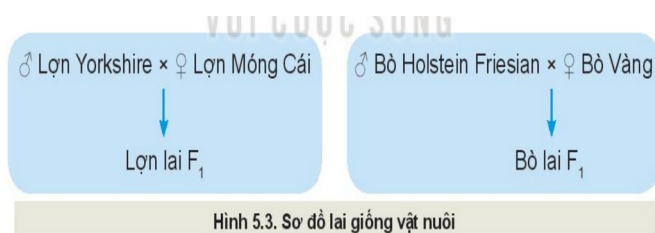
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin mục II.1, SHS tr.29 và trả lời câu hỏi:

+ *Nêu khái niệm lai giống và cho ví dụ.*

+ *Mục đích của lai giống là gì?*

- GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, quan sát hình 5.3 và trả lời câu hỏi: *Hãy cho biết đặc điểm của thế hệ bố mẹ và con lai trong các phép lai của Hình 5.3.*



Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc thông tin II.1 kết hợp quan sát hình 5.3 để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời.

- GV rút ra kết luận về khái niệm lai giống.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

a. Khái niệm lai giống

- *Lai giống*: cho giao phối giữa con đực và con cái thuộc các giống khác nhau để sinh ra đời sau mang vật chất di truyền từ nhiều giống khác nhau.

- *Mục đích của lai giống*: bổ sung các tính trạng tốt có ở các giống khác nhau và khai thác ưu thế lai ở đời con.

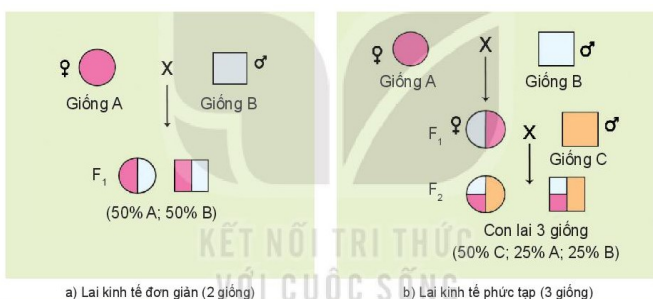
- *Đặc điểm của thế hệ bố mẹ và con lai (hình 5.3)*: bố mẹ khác giống, đời con sinh ra không còn là những cá thể thuộc giống thuần mà là con lai mang các đặc tính di truyền được kết hợp từ cả hai giống bố và mẹ.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.
- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

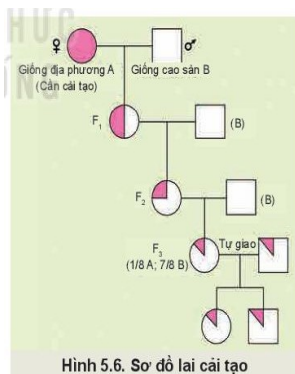
Nhiệm vụ 2: Một số phương pháp lai

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

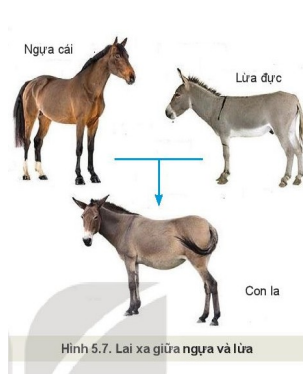
- GV chia HS cả lớp thành 3 nhóm.
- GV yêu cầu các nhóm thảo luận, đọc thông tin mục II.2, kết hợp quan sát hình 5.4 – 5.7 SHS tr.29 – 32 và thực hiện nhiệm vụ:



Hình 5.4. Sơ đồ lai kinh tế



Hình 5.6. Sơ đồ lai cải tạo



Hình 5.7. Lai xa giữa ngựa và lừa

- + Có những phép lai nào?
- + Mục đích của những phép lai đó là gì?
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân tại nhà, lấy ví dụ những công thức lai kinh tế ở địa phương mình và tìm thêm các ví dụ thực tiễn của các phương pháp lai còn lại.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

b. Một số phương pháp lai

* Phương pháp lai kinh tế

- *Khái niệm:* là phương pháp lai giữa các cá thể khác giống để tạo ra con lai có sức sản xuất cao.
- *Mục đích:* thu các sản phẩm thịt, trứng, sữa,..., không để làm giống.

- Bao gồm:

+ *Lai kinh tế:* là hình thức lai chỉ có 2 giống tham gia, thế hệ F, đều dùng để nuôi thương phẩm, không dùng làm giống.

+ *Lai kinh tế phức tạp:* là hình thức lai trong đó có từ 3 giống trở lên tham gia, tất cả con lai đều dùng để nuôi thương phẩm, không sử dụng làm giống.

* Phương pháp lai cải tạo

- *Khái niệm:* là phương pháp dùng một giống để cải tạo một cách cơ bản một giống khác khi giống này không đáp ứng được các yêu cầu của sản xuất.

- *Mục đích:* cải tạo các giống địa phương có tầm vóc nhỏ, khả năng sản

học tập - HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin mục II.2, kết hợp quan sát sơ đồ về các phương pháp lai để trả lời câu hỏi. - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện các nhóm lần lượt trình bày về các một số phương pháp lai. - GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về một số phương pháp lai giống. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. - GV chuyển sang hoạt động mới.	xuất thấp; giữ được các đặc tính tốt về khả năng thích nghi, chống chịu bệnh tật của giống địa phương. * Phương pháp lai xa Là phương pháp cho các cá thể đực và cá thể cái thuộc hai loài khác nhau giao phối với nhau để tạo con lai có ưu thế lai.
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS vận dụng những kiến thức đã học và thực tiễn để trả lời câu hỏi.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS trả lời nhanh câu hỏi trắc nghiệm trong Phiếu bài tập.

c. Sản phẩm: HS chọn được các đáp án đúng và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV phát Phiếu bài tập cho HS, yêu cầu HS trả lời trong vòng 5 phút.

Trường THPT:.....

Lớp:.....

PHIẾU BÀI TẬP
BÀI 5: NHÂN GIỐNG VẬT NUÔI

Thời gian: 5 phút

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Giống thuần chủng (giống thuần) là giống có đặc tính di truyền:

- A. Không ổn định.
- B. Đồng nhất.
- C. Ổn định và đồng nhất.
- D. Không đồng nhất và ổn định.

Câu 2: Ý nào dưới đây **không** đúng khi nói về mục đích của nhân giống thuần chủng?

- A. Bảo tồn các giống vật nuôi quý hiếm.
- B. Để thu các sản phẩm thịt, trứng, sữa.
- C. Phát triển, khai thác ưu thế của các giống vật nuôi nội.
- D. Phát triển về số lượng đối với giống nhập nội và củng cố các đặc tính mong muốn đối với giống mới gây thành.

Câu 3: Lai giống là cho giao phối giữa con đực và con cái thuộc các giống khác nhau để sinh ra đời sau mang vật chất di truyền từ:

- A. Nhiều giống khác nhau.
- B. Duy nhất một giống.
- C. Giống có ưu thế nổi trội hơn.
- D. Cả A, B, C đều sai.

Câu 4: Lợn Móng Cái có đặc điểm nào sau đây?

- A. Dễ nuôi, đẻ nhiều.

B. Chịu đc kham khổ, chống đỡ bệnh tật tốt.

C. Chất lượng thịt thơm ngon.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 5: Đây là phương pháp lai kinh tế đơn giản?

A. Lợn đực Yorkshire cho phối giống với lợn nái Móng Cái tạo ra con lai F_1 sau đó cho con cái F_1 lai với con đực Landrace tạo ra con lai F_2

B. Lai giữa gà trống Lương Phượng với gà mái Ri, vịt trống Anh Đào với vịt mái cỏ.

C. Lai giữa ngựa cái và lừa đực cho con lai là con la.

Câu 6: Phương pháp dùng một giống (giống đi cải tạo) thường là giống cao sản để cải tạo một cách cơ bản một giống khác (giống cần cải tạo) khi giống này không đáp ứng được các yêu cầu của sản xuất là:

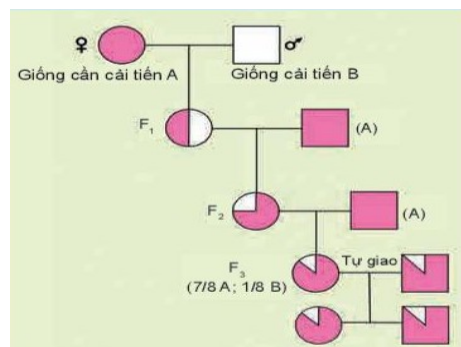
A. Phương pháp lai kinh tế đơn giản.

B. Phương pháp lai kinh tế phức tạp.

C. Phương pháp lai cải tạo.

D. Phương pháp lai xa.

Câu 7: Sơ đồ dưới đây minh họa phương pháp lai nào?



A. Phương pháp lai cải tiến.

B. Phương pháp lai cải tạo.

C. Phương pháp lai xa.

D. Phương pháp lai kinh tế phức tạp.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học, hiểu biết thức tế về nhân giống vật nuôi để hoàn thành nhanh Phiếu bài tập.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV thu Phiếu bài tập và mời đại diện 1 – 2 HS đọc đáp án:

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	C	B	A	D	B	C	A

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu đáp án khác (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.

- GV chuyển sang nội dung mới.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức vào thực tiễn để đề xuất phép lai kinh tế phù hợp với mục đích sản xuất.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS về nhà phân tích từng phép lai, từ đó xác định công thức nào có thể đáp ứng được yêu cầu đề ra. Giải thích vì sao.

c. Sản phẩm: HS lựa chọn được phép lai chính xác là giữa gà trống Rhode island với gà mái Ri và giải thích được lựa chọn của mình.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà: *Đề xuất phương pháp nhân giống một loại vật nuôi phù hợp với thực tiễn chăn nuôi ở địa phương em.*

- GV hướng dẫn HS:

+ *Phân tích từng phép lai.*

+ *Xác định công thức nào có thể đáp ứng được yêu cầu đề ra.*

+ *Giải thích vì sao.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức vào thực tiễn để đề xuất phép lai kinh tế phù hợp với mục đích sản xuất.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

HS nộp sản phẩm vào bài học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV nhận xét, đánh giá và kết thúc bài học.

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Ôn lại kiến thức đã học:
 - + *Các phương pháp nhân giống vật nuôi.*
 - + *Phương pháp nhân giống phù hợp với mục đích sử dụng.*
- Trả lời câu hỏi bài tập phần Luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ phần Vận dụng SHS tr.32.
- Làm bài tập Bài 5 – Sách bài tập Công nghệ chăn nuôi 11.
- Đọc và tìm hiểu trước nội dung *Bài 6 - Ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống vật nuôi.*

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

<https://www.vnteach.com>

Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com

<https://www.facebook.com/groups/vnteach/>

<https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/>